

Số: 750 /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/01/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 02/4/2021 của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020, định hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội (Theo Báo cáo số 517/XDHN-BC-HĐQT ngày 5/3/2021 đính kèm);

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát PVOIL Hà Nội (Theo Báo cáo số 518/BC-BKS ngày 5/3/2021 đính kèm);

Điều 3. Thông qua Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 và Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của PVOIL Hà Nội (Theo Báo cáo số 519/XDHN-BC-BKS ngày 5/3/2021 đính kèm).

• Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập và Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn trong số danh sách các công ty kiểm toán dưới đây để kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2021 của PVOIL Hà Nội:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
- Công ty kiểm toán khác (đáp ứng tiêu thức lựa chọn).

(Đơn vị kiểm toán do PVOIL Hà Nội lựa chọn phải phối hợp và hỗ trợ Đơn vị kiểm toán BCTC hợp nhất của Tổng công ty Dầu Việt Nam theo đúng quy định).

Điều 4. Thông qua Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của PVOIL Hà Nội (Theo Tờ trình số 520/TTr-HĐQT ngày 5/3/2021) với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tại 31/12/2020)
I	TỔNG TÀI SẢN	535.555.153.020
1	Tài sản ngắn hạn	310.703.179.573
2	Tài sản dài hạn	224.851.973.447
II	NGUỒN VỐN	535.555.153.020
1	Nợ phải trả	266.194.055.340
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	269.361.097.680
III	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.834.110.478.531
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2020	5.667.318.685
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	2.697.352.925

Điều 5. Thông qua Tờ trình phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021 của PVOIL Hà Nội (Theo Tờ trình số 521/TTr-HĐQT ngày 5/3/2021 đính kèm) như sau:

1. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Giá trị
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN		2.697.352.925
2	Các khoản chi sau thuế:		400.437.000
-	Thù lao kiêm nhiệm HĐQT, BKS năm 2020		168.000.000
-	Chi trả khoản hợp tác đầu tư tại CHXD Nam Khê, CHXD Diễn Châu năm 2020		232.437.000
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 trước khi trích lập các quỹ (3=1-2)		2.296.915.925
4	Trích lập quỹ	80,0%	1.837.532.740
-	Quỹ khen thưởng		
-	Quỹ thưởng cán bộ quản lý		
-	Quỹ phúc lợi	80,0%	1.837.532.740
-	Quỹ đầu tư phát triển		

5	Chi cổ tức	Không chia	
6	Lợi nhuận năm 2020 còn lại sau khi chia cổ tức (6=3-4-5)		459.383.185
7	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 chuyển sang sau khi điều chỉnh giảm theo Biên bản KTNN và thực hiện chi trả Thù lao KCT năm 2019, khoản hợp tác đầu tư CHXD Diễn Châu năm 2019.		930.462.823
8	Lợi nhuận chuyển năm sau (8=6+7)		1.389.846.008

2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021

STT	Nội dung	Diễn giải
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	LNST
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 trước khi trích lập các quỹ ¹	
3	Trích lập các quỹ. Dự kiến ² : - Quỹ Khen thưởng - Quỹ Phúc lợi - Quỹ Đầu tư Phát triển - Quỹ thưởng Người quản lý	40% Lợi nhuận trước khi trích lập các quỹ
4	Lợi nhuận còn lại năm 2021 sau khi trích lập các quỹ	4 = 2 - 3
5	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	
6	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức năm 2021	6 = 4 + 5
7	Chia cổ tức năm 2021	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

Điều 6. Thông qua Tờ trình về thù lao – thưởng cho HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành của PVOIL Hà Nội (Theo Tờ trình số 540/TTr-HĐQT ngày 8/3/2021 đính kèm).

1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách

TT	Đối tượng	Số người	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2021
1	Chủ tịch HĐQT	01	6.500.000 đ/người/tháng	6.500.000 đ/người/tháng

¹ LNST trước khi trích quỹ được xác định bằng LNST trừ đi các khoản gồm: Lợi nhuận chia cho các bên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có); Lỗ lũy kế năm trước chuyển sang (nếu có); Truy thu thuế (nếu có) và các khoản khác được trích vào LNST theo quy định;

² Tỷ lệ trích cụ thể sẽ thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH và các quy định hiện hành của Nhà nước;

2	Thành viên HĐQT	01	3.500.000 đ/người/tháng	3.500.000 đ/người/tháng
3	Thành viên Ban kiểm soát	02	2.000.000 đ/người/tháng	2.000.000 đ/người/tháng
	Tổng cộng		168.000.000 đồng	

Ghi chú: Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương và phụ cấp kiêm nhiệm theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

2. Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện năm 2020
1	Ông Trần Mạnh Hà	Thành viên HĐQT, Giám đốc	554.185.703 đồng
2	Ông Lưu Chí Nguyễn	Thành viên HĐQT chuyên trách	125.721.706 đồng
3	Bà Trần Thị Thu Phong	Thành viên HĐQT chuyên trách	317.584.523 đồng
4	Ông Trần Việt Hùng	Phó Giám đốc	425.835.825 đồng
5	Ông Đào Đại Thắng	Phó Giám đốc	436.686.554 đồng
6	Ông Đào Xuân Hữu	Phó Giám đốc	411.550.786 đồng
7	Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Giám đốc	402.496.162 đồng
8	Ông Vũ Văn Nghị	Trưởng ban kiểm soát	349.797.995 đồng
9	Ông Lê Đức Dân	Kế toán trưởng	342.629.033 đồng
	Tổng cộng		3.366.488.287 đồng

Ghi chú: Ngày 01/8/2020, Bà Trần Thị Thu Phong - Thành viên HĐQT chuyên trách Công ty nghỉ chế độ hưu trí. Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thực hiện các thủ tục miễn nhiệm với Bà Trần Thị Thu Phong và bầu bổ sung Ông Lưu Chí Nguyễn thay thế Bà Trần Thị Thu Phong kể từ ngày 01/9/2020.

3. Quỹ thưởng Người quản lý (HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành)

- Thực hiện năm 2020: Công ty không trích Quỹ thưởng Người quản lý.

- Kế hoạch năm 2021:

+ Lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch: trích tối đa 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách.

+ Lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch: trích tối đa không quá 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách.

Điều 7. Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVOIL Hà Nội (Theo Tờ trình số 525/TTr-HĐQT ngày 5/3/2021 đính kèm).

Điều 8. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/4/2021. Các Ông/Bà thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện, triển khai theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty;
- Như Điều 8;
- Lưu: VT, TCHC, LTH.01b.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Vũ Hoài Lam

C.P. 10

Số: 749/BB-XDHN

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2021

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 02/4/2021
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI**

PHẦN 1: CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

I. Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội

1. Thời gian bắt đầu: 8h15 ngày 02/4/2021
2. Địa điểm: Phòng họp II Tòa nhà Văn phòng Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội - Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q.Đống Đa - Hà Nội.

II. Thành phần tham dự Đại hội

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty.
2. Các cổ đông Công ty.
3. Các khách mời

III. Chương trình và nội dung Đại hội: Đính kèm theo Biên bản.

IV. Đoàn chủ tịch điều hành Đại hội:

- Ông Vũ Hoài Lam - Chủ tịch HĐQT Công ty;
- Ông Trần Mạnh Hà – TV. HĐQT, Giám đốc Công ty.

V. Thư ký Đại hội: Bà Lê Thị Thu Hồng – Chuyên viên P. TCHC

VI. Ban thẩm tra tư cách cổ đông

1. Ông Vũ Văn Nghị – Trưởng Ban kiểm soát;
2. Bà Phạm Thu Hà – Chuyên viên Phòng TCHC.

VII. Ban kiểm phiếu tại ĐH

1. Ông Hoàng Xuân Đức – Phó phòng KDTH – Trưởng ban;
2. Bà Đặng Thị Thìn – CV.Phòng TCKT – Thành viên;
3. Bà Phạm Thu Hà – CV.Phòng TCHC – Thành viên.

Đại hội đã biểu quyết nhất trí 100% về chương trình đại hội cổ đông, bầu Đoàn chủ tịch, thư ký đại hội, ban thẩm tra tư cách cổ đông, ban kiểm phiếu tại Đại hội.

VIII. Báo cáo xác nhận tư cách cổ đông, điều kiện tiến hành Đại hội

Ban thẩm tra tư cách cổ đông đã báo cáo danh sách cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự Đại hội có quyền biểu quyết:



1. Cổ đông Tổng công ty Dầu Việt Nam nắm giữ 17.836.600 cổ phần do các Ông/ Bà sau đây làm Người đại diện phần vốn góp:

- Ông Vũ Hoài Lam - Người đại diện phần vốn góp của PVOIL
- Ông Trần Mạnh Hà - Người đại diện phần vốn góp của PVOIL
- Ông Lưu Chí Nguyễn - Người đại diện phần vốn góp của PVOIL

2. Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) - Người đại diện Ông Hoàng Minh Thái – nắm giữ 2.750.000 cổ phần.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (Seabank) – Người đại diện Ông Đặng Tùng Sơn – nắm giữ 750.000 cổ phần.

4. Công ty TNHH Phát triển dịch vụ thương mại Toàn Thắng – nắm giữ 450.000 cổ phần.

5. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – nắm giữ 500.000 cổ phần.

6. Bà Nguyễn Thị Hòa nắm giữ 1.000.000 cổ phần.

7. Bà Hoàng Ngọc Hà nắm giữ 100.000 cổ phần.

Và các cổ đông cá nhân, cổ đông là cán bộ Công nhân viên Công ty.

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội là 23.524.050 cổ phần, bằng 94,1% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ tỷ lệ trên, Ban thẩm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm soát thống nhất công bố Đại hội đồng cổ đông này là hợp lệ, đủ điều kiện tiến hành.

PHẦN 2: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Các báo cáo tại Đại hội

1. Ông Trần Mạnh Hà – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020, định hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội (Theo Báo cáo đính kèm);

2. Ông Vũ Văn Nghị - Trưởng ban kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát PVOIL Hà Nội (Theo Báo cáo đính kèm); Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 và Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của PVOIL Hà Nội (Theo Báo cáo đính kèm);

3. Ông Lê Đức Dân – Kế toán trưởng trình bày Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của PVOIL Hà Nội (Theo Tờ trình đính kèm); Tờ trình về việc phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021 của PVOIL Hà Nội (Theo Tờ trình đính kèm); Tờ trình về thù lao – thưởng cho HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành của PVOIL Hà Nội (Theo Tờ trình đính kèm).

4. Ông Lưu Chí Nguyên - Thành viên HĐQT chuyên trách trình bày Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ PVOIL Hà Nội theo Luật doanh nghiệp 2020 (Theo Tờ trình đính kèm).

II. Ban bầu cử tiến hành thủ tục kiểm phiếu biểu quyết của cổ đông về các tờ trình, báo cáo trình bày tại Đại hội.

III. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết lần lượt thông qua những quyết định sau đây:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020, định hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội (Theo Báo cáo đính kèm) như sau:

Kết quả biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:	23.524.050	100%
Tổng số cổ phần biểu quyết thông qua:	23.524.050	100%
Tổng số cổ phần không đồng ý thông qua:	0	0%
Tổng số cổ phần có ý kiến khác:	0	0%

2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát PVOIL Hà Nội (Theo Báo cáo đính kèm) như sau:

Kết quả biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:	23.524.050	100%
Tổng số cổ phần biểu quyết thông qua:	23.524.050	100%
Tổng số cổ phần không đồng ý thông qua:	0	0%
Tổng số cổ phần có ý kiến khác:	0	0%

3. Thông qua Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 và Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của PVOIL Hà Nội (Theo Báo cáo đính kèm) như sau:

- Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập và Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn trong số danh sách các công ty kiểm toán dưới đây để kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2021 của PV OIL Hà Nội:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO.
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

- Công ty kiểm toán khác (đáp ứng tiêu thức lựa chọn).

(Đơn vị kiểm toán do PVOIL Hà Nội lựa chọn phải phối hợp và hỗ trợ Đơn vị kiểm toán BCTC hợp nhất của Tổng công ty Dầu Việt Nam-CTCP theo đúng quy định).

- Kết quả biểu quyết như sau:

Kết quả biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:	23.524.050	100%
Tổng số cổ phần biểu quyết thông qua:	23.524.050	100%
Tổng số cổ phần không đồng ý thông qua:	0	0%
Tổng số cổ phần có ý kiến khác:	0	0%

4. Thông qua Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của PVOIL Hà Nội (Theo Tờ trình đính kèm) như sau:

Kết quả biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:	23.524.050	100%
Tổng số cổ phần biểu quyết thông qua:	23.524.050	100%
Tổng số cổ phần không đồng ý thông qua:	0	0%
Tổng số cổ phần có ý kiến khác:	0	0%

5. Thông qua Tờ trình về việc phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021 của PVOIL Hà Nội (Theo Tờ trình đính kèm) như sau:

Kết quả biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:	23.524.050	100%
Tổng số cổ phần biểu quyết thông qua:	19.524.050	83%
Tổng số cổ phần không đồng ý thông qua:	3.250.000	13,8%
Tổng số cổ phần có ý kiến khác:	750.000	3,2%

6. Thông qua Tờ trình về thù lao – thưởng cho HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành của PVOIL Hà Nội (Theo Tờ trình đính kèm) như sau:

Kết quả biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:	23.524.050	100%
Tổng số cổ phần biểu quyết thông qua:	23.524.050	100%
Tổng số cổ phần không đồng ý thông qua:	0	0%
Tổng số cổ phần có ý kiến khác:	0	0%

7. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVOIL Hà Nội theo Luật doanh nghiệp 2020 (Theo Tờ trình đính kèm) như sau:

Kết quả biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:	23.524.050	100%
Tổng số cổ phần biểu quyết thông qua:	20.774.050	88,3%
Tổng số cổ phần không đồng ý thông qua:	2.750.000	11,7%
Tổng số cổ phần có ý kiến khác:	0	0%

Đại hội đã biểu quyết nhất trí 100% thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.

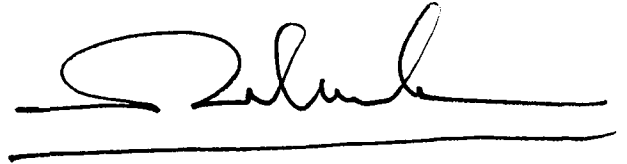
Cuộc họp kết thúc lúc 10h30 cùng ngày.

THƯ KÝ



Lê Thị Thu Hồng

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH 



Vũ Hoài Lam

Nơi nhận:

- Cổ đông PVOIL Hà Nội;
- Lưu: VT, HĐQT, LTH.01b.



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

1. CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2021

Hà Nội, tháng 4/2021

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian: Ngày 02 tháng 4 năm 2021

*Địa điểm: Phòng họp II - Tòa nhà Văn phòng Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội
- Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q.Đống Đa - Hà Nội*

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	CHỦ TRÌ
1	8h15 – 8h30	- Đón tiếp đại biểu và các cổ đông - Cổ đông đăng ký danh sách - Kiểm tra tư cách cổ đông	Ban tổ chức
2	8h30 – 8h40	- Ổn định tổ chức, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành đại hội - Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký đại hội - Giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu - Thông qua chương trình nghị sự, quy chế làm việc tại Đại hội	Ban tổ chức Đoàn chủ tịch
3	8h40 – 8h50	- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020, định hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội.	Đoàn chủ tịch
4	8h50 – 9h00	- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát PVOIL Hà Nội.	Ban kiểm soát
5	9h00 – 9h15	- Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội và lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021. - Tờ trình về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.	Ban kiểm soát Đoàn chủ tịch
6	9h15 – 9h30	- Tờ trình về việc phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021 của PVOIL Hà Nội; - Tờ trình về thù lao – thưởng cho HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành của PVOIL Hà Nội.	Đoàn chủ tịch
7	9h30 – 9h35	- Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVOIL Hà Nội theo Luật doanh nghiệp 2020	Đoàn chủ tịch
8	9h35 – 10h00	- Cổ đông thảo luận các vấn đề báo cáo và biểu quyết từng vấn đề. - Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu biểu quyết các nội dung cổ đông thông qua.	Đoàn chủ tịch Ban kiểm phiếu
9	10h00 – 10h15	- Thư ký đại hội trình bày Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội. - Lấy biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết ĐH - Bế mạc Đại hội.	Thư ký ĐH Đoàn chủ tịch



CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU ĐÀU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

3. BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hà Nội, tháng 4/2021

Số: 547/XDHN-BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PVOIL Hà Nội) xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 như sau:

**PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

I. Đặc điểm tình hình năm 2020

1. Tình hình thị trường kinh doanh xăng dầu

Trong năm 2020, giá xăng dầu thế giới biến động phức tạp, cùng với những tác động sâu rộng của dịch Covid-19 đối với mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội đã khiến xu hướng giá giảm sâu trong Quý I/2020, đáng chú ý là giá dầu thô xuống đến mức thấp nhất trong gần hai thập kỉ qua, dưới 30\$/thùng. Bước sang Quý II, III, IV/2020, xu thế giá có sự phục hồi nhẹ song vẫn còn tồn tại những lo ngại về khủng hoảng kinh tế và dịch bệnh tại nhiều quốc gia trên thế giới chưa được khống chế hoàn toàn. Đối với thị trường trong nước, kể từ đầu năm, Nhà nước tiến hành điều chỉnh giá bán lẻ 23 lần, thị trường tiếp tục có sự cạnh tranh gay gắt từ các đơn vị đầu mối.

2. Tình hình nhân sự của HĐQT năm 2020

a. Bầu nhân sự thành viên HĐQT PVOIL Hà Nội nhiệm kỳ III (2020-2025)

Năm 2020 là năm cuối trong nhiệm kỳ II (2015-2020) của Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội đương nhiệm. Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 được tổ chức vào ngày 18/5/2020, Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội đã thực hiện báo cáo tổng

kết nhiệm kỳ II trước các cổ đông và đề ra phương hướng hoạt động cho nhiệm kỳ mới. Đại hội cũng đã tiến hành thủ tục bầu nhân sự thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ III (2020-2025) với tỷ lệ nhất trí cao bao gồm các Ông/ Bà:

- Ông Vũ Hoài Lam
- Ông Trần Mạnh Hà
- Bà Trần Thị Thu Phong
- Ông Hoàng Minh Thái

Ngay sau khi Đại hội tiến hành bầu thành viên HĐQT theo đúng các quy định, các thành viên HĐQT đã họp và thống nhất bầu Ông Vũ Hoài Lam vào chức danh Chủ tịch HĐQT PVOIL Hà Nội nhiệm kỳ III (2020-2025) với tỷ lệ tán thành 100%.

b. Thay đổi nhân sự là thành viên HĐQT chuyên trách

Sau khi được ĐHĐCĐ bầu nhân sự nhiệm kỳ III (2020-2025), trong quá trình hoạt động năm 2020, Hội đồng quản trị PVOIL Hà Nội tiếp tục có sự thay đổi đối với thành viên chuyên trách, cụ thể như sau: Ngày 01/8/2020, đ/c Trần Thị Thu Phong – Thành viên HĐQT chuyên trách nghỉ chế độ hưu trí theo quy định của Nhà nước. Ngay sau đó, HĐQT đã thực hiện các thủ tục trình Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với đ/c Phong và bầu bổ sung đ/c Lưu Chí Nguyên – Người đại diện phần vốn PVOIL tại PVOIL Hà Nội để thay thế cho đ/c Phong.

Ngay sau khi có sự thay đổi nhân sự thành viên, HĐQT đã tiến hành họp phân công lại nhiệm vụ các thành viên phù hợp năng lực, sở trường công tác, đồng thời trao đổi và thống nhất phương thức hoạt động đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020

1. Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn, Tổng công ty và triển khai Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2020

HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn và Tổng công ty, đồng thời triển khai thực các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020. HĐQT đã ban hành 27 Nghị quyết, Quyết định trong năm để chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ xuống đến đơn vị. Bên cạnh đó, HĐQT cũng tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng/ quý và đưa ra ý kiến nhận xét, đánh giá, định hướng hoạt động đối với hoạt động SXKD của đơn vị.

2. Đánh giá công tác tổ chức các cuộc họp định kỳ của HĐQT

Bên cạnh việc thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng/ quý với Ban điều hành Công ty, HĐQT đã tổ chức họp định kỳ hàng quý và họp đột xuất để xem xét các kiến nghị, đề xuất của Ban điều hành. Các vấn đề lớn, quan trọng đã được HĐQT phê duyệt thông qua trong năm trên cơ sở đề xuất của Ban điều hành và ý kiến của các thành viên HĐQT bao gồm:

- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2020 của PVOIL Hà Nội;

- Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên;
- Phê duyệt thay đổi một số nội dung trong kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ (do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19);
- Thông qua kế hoạch định biên lao động năm 2020;
- Phê duyệt thành lập địa điểm kinh doanh CHXD Đồng Tiến – Thái Nguyên;
- Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2019 của cán bộ quản lý và Người lao động PVOIL Hà Nội;
- Phê duyệt chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;
- Phê duyệt Quỹ lương – Đơn giá tiền lương CBCNV, Quỹ tiền lương Cán bộ quản lý và kế hoạch chi lương năm 2020 của PVOIL Hà Nội;
- Thông qua các nội dung sơ kết hoạt động Quý I/2020 và 6 tháng đầu năm 2020, triển khai phương hướng, nhiệm vụ Quý II/2020 và 6 tháng cuối năm của Hội đồng quản trị Công ty;
- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020;
- Thông qua trình ĐHĐCĐ phê duyệt thay thế thành viên HĐQT;
- Thông qua kế hoạch triển khai sắp xếp, tái cấu trúc PVOIL Hà Nội;
- Phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư 02 xe ô tô sitec vận chuyển xăng dầu;
- Thông qua các nội dung sơ kết hoạt động của Hội đồng quản trị 9 tháng đầu năm, định hướng hoạt động 3 tháng cuối năm 2020 và một số nội dung về công tác cán bộ của PVOIL Hà Nội;
- Phê duyệt thành lập Hội đồng xét duyệt và Tổ giúp việc "Công tác bán hàng và quản lý nợ tín chấp" của Công ty;
- Các nội dung bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý các cấp.

3. Công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của HĐQT với Ban điều hành và các tổ chức đoàn thể

a. Đối với Ban điều hành

Theo phân công công việc, từng thành viên HĐQT đã phối hợp, chỉ đạo và định hướng cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo từng lĩnh vực trong hoạt động SXKD đảm bảo tuân thủ đúng quy chế, quy định quản lý của Tổng công ty và Công ty.

Trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động SXKD, Ban điều hành đã triển khai nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành trong năm, đồng thời thực hiện tốt vai trò tham mưu cho các quyết sách của HĐQT. Các thành viên Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ và sâu sát trong chỉ đạo, đảm bảo hoạt động SXKD của đơn vị thông suốt và hiệu quả.

b. Đối với Ban kiểm soát

HQĐT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Hàng tháng, Ban kiểm soát đều duy trì báo cáo đánh giá hoạt động của

Ban điều hành đồng thời đưa ra các cảnh báo rủi ro trong hoạt động SXKD của đơn vị để Ban điều hành có biện pháp khắc phục, phòng ngừa phù hợp.

c. Đối với các tổ chức đoàn thể

HDQT luôn tuân thủ đúng quy chế phối hợp với Đảng, quy chế phân cấp trong quản lý cán bộ, thực hiện rà soát, đánh giá cán bộ, bổ nhiệm/ bổ nhiệm lại cán bộ trong phạm vi phân cấp. Đối với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, HDQT luôn quan tâm, tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể hoạt động tốt, chăm lo, động viên khích lệ đời sống CBCNV Công ty.

4. Đánh giá tình hình hoạt động của PVOIL Hà Nội trong năm tài chính 2020

Bảng các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2020:

TT	Diễn giải	ĐVT	KH năm 2020	Thực hiện năm 2020	So với KH năm 2020
1	2	3	4	5	6=5/4
I	Sản lượng tiêu thụ		331.544	314.964	95,0%
1	Xăng dầu	M3/tấn	331.500	314.921	95,0%
2	Dầu mỡ nhờn	Tấn	44	43	97,7%
II	Các chỉ tiêu kinh tế				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.969,3	2.834,1	71,4%
2	Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	158,2	163,63	103,4%
	Chi phí đồng/lít	Đồng/lít	472	520	110,2%
3	Lợi nhuận TT	Tỷ đồng	11,0	5,67	51,5%
4	Các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	600	857	142,8%
III	Chỉ tiêu đầu tư				
1	CHXD	CH	2	1	50%
IV	Chỉ tiêu lao động				
1	Định biên lao động	Người	359	347	97,5%
2	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu đồng	11,5	12,2	106,1%

4.1. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh

Tháng 01/2020, HDQT đã phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2020 của PVOIL Hà Nội và báo cáo các chỉ tiêu kế hoạch chính tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Trước bối cảnh dịch bệnh covid-19 tác động sâu rộng đến mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội, thị trường kinh doanh xăng dầu biến động phức tạp, cạnh tranh gay gắt, Ban Giám đốc PVOIL Hà Nội đã bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch giao nội bộ và chủ động, sát sao chỉ đạo các đơn vị triển khai cụ thể nhiệm vụ trên từng lĩnh vực.

a. Về kinh doanh xăng dầu

- Năm 2020, PVOIL Hà Nội tiếp tục giữ vững vị thế là một trong những đơn vị phân phối lớn của PVOIL, triển khai tốt các hoạt động kinh doanh theo chính sách bán

hàng và công nợ của Tổng công ty, đảm bảo an toàn nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Khai thác linh hoạt và có hiệu quả nguồn hàng mua ngoài bổ sung (ngoài nguồn mua của TCT).

- Tổng sản lượng kinh doanh xăng dầu của đơn vị cả năm đạt 314.921 m³/tấn, đạt 95% kế hoạch năm và tương đương 94,9% so với cùng kỳ 2019 (331.785,7 m³/tấn). Đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả trong điều kiện bối cảnh thị trường vô cùng khó khăn (Lợi nhuận đạt 5,67 tỷ đồng, bằng 51,5% kế hoạch).

- Về cơ cấu kênh bán hàng, với sự nỗ lực cố gắng chuyển dịch cơ cấu các kênh theo hướng bền vững, năm 2020, đơn vị đã tập trung nâng cao tỷ trọng bán công nghiệp lên 31,9% trong cơ cấu bán hàng, tham gia và trúng nhiều gói thầu quan trọng với nhiều khách hàng có tiềm năng trong ngành Than, Điện, đường sắt ...Đối với khối bán lẻ, mặc dù bị ảnh hưởng nhiều do tác động của dịch bệnh covid-19, đơn vị vẫn duy trì tỷ trọng đạt 25,1% tổng sản lượng, tăng 2% so với cùng kỳ 2019.

- Sản lượng bán hàng theo kênh phân phối như sau:

ST T	Kênh BH	ĐVT	Kế hoạch 2020		Thực hiện 2020		TH/ KH 2020
			Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4
1	TNPP/TNNQ/ĐL	m ³ /tấn	161.100	48,6%	135.464	43,0%	84,0%
2	KHCN và mua bán	m ³ /tấn	87.000	26,2%	100.559	31,9%	115,6%
3	CHXD	m ³ /tấn	83.400	25,2%	78.898	25,1%	94,6%
Tổng cộng		m³/tấn	331.500	100,0%	314.921	100,0%	95,0%

* Ghi chú: Sản lượng trên không bao gồm sản lượng DMN

- Về phát triển hệ thống khách hàng, đơn vị đã rất nỗ lực cố gắng trong công tác thị trường để duy trì khách hàng truyền thống, tận dụng mọi cơ hội tiếp cận và mở rộng khách hàng tiềm năng. Kết quả thực hiện cả năm PVOIL Hà Nội có 128 khách hàng, trong đó, 34 TNPP, 01 TNNQ, 26 Đại lý, 57 khách hàng mua bán và công nghiệp và khoảng 10 khách hàng là các đơn vị nội bộ.

- Bên cạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu truyền thống, năm 2020 PVOIL Hà Nội cũng tích cực triển khai các chương trình bán hàng bằng xe PVOIL Mobile, chương trình khách hàng thành viên PVOIL Easy tích hợp với nhiều hình thức thanh toán điện tử (Got it, Vietcombank, ViettelPay, Ví MOMO...), trong đó, sản lượng PVOIL easy cả năm đạt 16.043 m³, bằng 188% KH (8.520 m³), bình quân 1.336 m³/tháng. Các khách hàng lớn hiện đang hợp tác với đơn vị triển khai chương trình này như Công ty CP Giao hàng tiết kiệm, Công ty Logistic Vietel... sau thời gian sử dụng thí điểm đã thực sự tin tưởng, hài lòng với chất lượng dịch vụ của đơn vị.

b. Các hoạt động kinh doanh khác (ngoài xăng dầu)

Đối với các hoạt động kinh doanh khác ngoài xăng dầu: Bên cạnh việc đẩy mạnh các loại hình kinh doanh vận tải, bán bảo hiểm dân sự, bộ sản phẩm PVOIL

Care..., năm 2020 đơn vị đã tích cực tìm kiếm khách hàng để cho các đối tác thuê đặt biển quảng cáo tại mặt bằng còn trống của các CHXD. Tổng doanh thu từ các hoạt động, dịch vụ phụ trợ năm 2020 đạt 3,1 tỷ đồng, góp phần đa dạng hóa loại hình kinh doanh và đóng góp vào hiệu quả kinh doanh chung của toàn đơn vị.

4.2. Về công tác đầu tư, phát triển hệ thống

a. Về đầu tư hệ thống kho bể tồn chứa

Năm 2020, bên cạnh việc thực hiện tốt công tác quản lý giám sát, đảm bảo Kho Bắc Giang luôn được vận hành khai thác an toàn, hiệu quả, Công ty chú trọng thường xuyên kiểm tra, duy tu sửa chữa cơ sở vật chất hạ tầng, trang thiết bị của Kho xăng dầu Bắc Giang. Ngoài ra, công tác dịch vụ, phục vụ khách hàng tại Kho cũng ngày càng chuẩn hóa, chuyên nghiệp thông qua việc thực hiện tốt Đề án 808 về nâng cao chất lượng dịch vụ kho xăng dầu.

b. Về phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu

HDQT đã quyết liệt chỉ đạo đơn vị tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư CHXD dưới mọi hình thức (đầu tư mới, mua lại, liên kết hợp tác...), đồng thời phân tích đánh giá kỹ từng cơ hội để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả các dự án. Kết quả thực hiện cả năm, đơn vị đã hoàn thành việc thuê lại CHXD Đồng Tiến – Thái Nguyên, tổ chức khai trương bán hàng từ ngày 01/4/2020.

Bên cạnh đó, đơn vị cũng luôn chú trọng triển khai tốt Đề án 1114 về nâng cao chất lượng phục vụ tại các CHXD và được Tổng công ty đánh giá cao về chất lượng triển khai.

c. Về công tác sửa chữa, cải tạo và nâng cấp CHXD

Đơn vị đã thực hiện dự án sửa chữa, nâng cấp CHXD Tân Sơn, Mường Khương,...và các công tác sửa chữa thường xuyên đảm bảo phục vụ tốt nhất hoạt động của các CHXD.

d. Về đầu tư hệ thống phương tiện vận tải xăng dầu

HDQT đã chỉ đạo đơn vị đầu tư bổ sung phương tiện vận tải xăng dầu để đáp ứng tốt hơn nhu cầu vận chuyển cho hệ thống CHXD trực thuộc và khách hàng, cụ thể là đơn vị hoàn thành việc mua sắm 02 xe ô tô sitec vận chuyển xăng dầu, nâng tổng số xe sitec của đơn vị lên 18 xe.

4.3. Về công tác quản lý rủi ro và xử lý công nợ xấu

HDQT luôn chú trọng tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo việc quản lý rủi ro, xử lý nợ xấu và ngăn chặn nợ quá hạn phát sinh. Trong năm, Công ty thường xuyên rà soát công nợ khách hàng bán buôn, bán lẻ có khả năng phát sinh rủi ro để kịp thời cảnh báo và có biện pháp phòng ngừa phù hợp, đảm bảo công nợ phải thu, phải trả đều đảm bảo đúng hạn mức phê duyệt và được Tổng công ty đánh giá cao.

4.4. Về công tác quản trị doanh nghiệp

Năm 2020, HDQT đã tập trung chỉ đạo tốt công tác quản trị tại đơn vị, kết quả thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp: Năm 2020, thực hiện chủ trương tái cấu trúc của Tổng công ty, PVOIL Hà Nội đã thành lập Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc, xây dựng kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu đơn vị và triển khai ngay các công việc theo định hướng chỉ đạo của Tổng công ty tại từng thời điểm, giai đoạn cụ thể. Đến nay, đơn vị đã hoàn thành việc xây dựng phương án sáp nhập PVOIL Hà Giang vào PVOIL Hà Nội và đang chuẩn bị các bước để triển khai xin ý kiến cổ đông thông qua phương án.

- Đối với hoạt động SXKD: HĐQT đã phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2020 của PVOIL Hà Nội, đồng thời chỉ đạo Ban điều hành triển khai giao kế hoạch đến từng đơn vị gắn liền với việc kiểm tra, giám sát nhằm hoàn thành tốt nhất chỉ tiêu, kế hoạch của toàn đơn vị.

- Đối với lĩnh vực công tác cán bộ, HĐQT tuân thủ đúng quy chế phối hợp với Đảng, quy chế phân cấp trong quản lý cán bộ, thực hiện rà soát đánh giá các cán bộ trong phạm vi phân cấp quản lý của HĐQT. HĐQT đã phê duyệt kế hoạch định biên lao động năm 2020 và ban hành 14 Nghị quyết, Quyết định liên quan đến việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý; chỉ đạo đơn vị tiếp tục đổi mới, kiện toàn bộ máy của các đơn vị trực thuộc, sắp xếp nhân sự hợp lý đặc biệt là trong đợt nghỉ giãn cách xã hội do dịch covid-19, đảm bảo hoạt động SXKD thông suốt. Công tác đào tạo nội bộ và bên ngoài cũng được HĐQT quan tâm, chỉ đạo sát sao nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung các văn bản quản lý trong quá trình hoạt động để phục vụ tốt nhất cho hoạt động SXKD.

- Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thành lập các địa điểm kinh doanh tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên để đưa các CHXD mới đi vào hoạt động và tổ chức khai trương bán hàng.

- Chỉ đạo Ban điều hành quyết toán Quỹ lương năm 2019 và kế hoạch Quỹ lương năm 2020 của Cán bộ quản lý và Người lao động Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị tốt công tác hậu cần, tài liệu nghị sự tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên, tổ chức các Hội nghị sơ kết quý, tổng kết theo quy định và chương trình Lễ kỉ niệm 10 năm ngày thành lập PVOIL Hà Nội (16/11/2010-16/11/2020).

- Chỉ đạo Ban điều hành triển khai công tác phòng/ chống dịch Covid-19 trên toàn hệ thống, tuân thủ theo đúng các chỉ đạo và hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước các cấp, góp phần đảm bảo an toàn sức khỏe cho Người lao động PVOIL Hà Nội và cả cộng đồng.

4.6. Về phân chia lợi nhuận năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Giá trị
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN		2.697.352.925

2	Các khoản chi sau thuế:		400.437.000
-	Thù lao kiêm nhiệm HĐQT, BKS năm 2020		168.000.000
-	Chi trả khoản hợp tác đầu tư tại CHXD Nam Khê, CHXD Diên Châu năm 2020		232.437.000
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 trước khi trích lập các quỹ (3=1-2)		2.296.915.925
4	Trích lập quỹ	80,0%	1.837.532.740
-	Quỹ khen thưởng		
-	Quỹ thưởng cán bộ quản lý		
-	Quỹ phúc lợi	80,0%	1.837.532.740
-	Quỹ đầu tư phát triển		
5	Chi cổ tức	Không chia	
6	Lợi nhuận năm 2020 còn lại sau khi chia cổ tức (6=3-4-5)		459.383.185
7	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 chuyển sang sau khi điều chỉnh giảm theo Biên bản KTNN và thực hiện chi trả Thù lao KCT năm 2019, khoản hợp tác đầu tư CHXD Diên Châu năm 2019.		930.462.823
8	Lợi nhuận chuyển năm sau (8=6+7)		1.389.846.008

Ghi chú:

Đơn vị đề xuất mức trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi ở mức 80% LNST (bằng mức trích năm 2019) còn lại chưa phân phối năm 2020 là 1.837.532.740 đồng với lý do:

- *Tổng mức chi KTPL theo Thỏa ước LĐTT của đơn vị năm 2020 cho các khoản chi như; sinh nhật CBNV, trợ cấp nhân các dịp Lễ trong năm, chi hiếu, hỉ... là 3,78 tỷ đồng. Trong đó: Trực tiếp qua Quỹ KTPL: 2,38 tỷ đồng, Chi qua chi phí HĐSXKD: 1,4 tỷ đồng. Mức trích 1,838 tỷ đồng theo đề xuất trích bằng 46% so 1 tháng lương thực hiện theo kế hoạch 2021 (1,838/4 tỷ đồng) và chỉ đảm bảo 48,6% mức chi tối thiểu trên.*

- *Bên cạnh, ngoài việc đảm bảo nguồn chi theo thỏa ước LĐTT, Công ty còn phải chi trả một số khoản chi có tính chất phúc lợi khác từ quỹ KTPL như; trợ cấp tai nạn lao động, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thâm niên ngành, trợ cấp từ tuất..., ước chi các khoản trên cho năm 2021 khoảng 200 triệu đồng;*

- *Mức trích trên của đơn vị thấp hơn theo quy định mức tỷ lệ hoàn thành kế hoạch Lợi nhuận * 03 tháng lương thực hiện (<3,6 tỷ).*

4.7. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù đạt được những kết quả tích cực nhất định, song hoạt động SXKD năm 2020 của PVOIL Hà Nội cũng còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

a. Công tác kinh doanh

Do diễn biến phức tạp của thị trường với những thời điểm giá giảm sâu và ảnh hưởng của dịch covid-19 khiến hoạt động kinh tế, giao thương đình trệ, nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu sụt giảm lớn đã tác động đến hoạt động SXKD năm 2020 của PVOIL Hà Nội. Mặc dù hết sức nỗ lực cố gắng trong công tác bán hàng song đơn vị chưa hoàn thành kế hoạch sản lượng và lợi nhuận được giao.

b. Công tác đầu tư

- Do hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn, công tác đầu tư một số dự án bị dừng dẫn, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt. Công tác đầu tư phát triển mạng lưới CHXD cũng chưa hoàn thành kế hoạch được giao.

- Công tác xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho CHXD Đông Mỹ và khu đất tại CHXD Thái Thịnh còn chậm trễ do nhiều nguyên nhân khách quan.

PHẦN II ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CỦA HĐQT

Theo dự báo của các tổ chức kinh tế, với những triển vọng các nước sớm nghiên cứu thành công vacxin ngừa Covid – 19, năm 2021 kinh tế toàn cầu sẽ dần phục hồi với mức tăng trưởng khoảng 5%. Về giá dầu, sau một thời gian chịu giảm sâu do bệnh dịch, theo dự báo của Ngân hàng thế giới, giá dầu thô thời gian tới sẽ không tăng nhiều, giao động trong khoảng 44 USD/thùng, với mức tồn kho khá cao cũng như cầu nhiên liệu phục hồi chậm.

Đối với thị trường kinh doanh xăng dầu trong nước, với dự báo triển vọng kinh tế trong trung và dài hạn của Việt Nam rất tích cực, nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu cũng sẽ phục hồi dần. Tuy nhiên cường độ cạnh tranh trong ngành cũng ngày càng gay gắt, quyết liệt khi xuất hiện ngày càng nhiều các đầu mối có tiềm lực mạnh như Công ty TNHH vận tải sông biển Hải Hà, Công ty Hải Linh, Công ty CP Xăng dầu Bình Minh, Vật tư xăng dầu Hải Dương.... Trước bối cảnh đó, Hội đồng quản trị nhận định trong năm 2021, bên cạnh những thuận lợi như đơn vị đã duy trì việc gia tăng sản lượng bán hàng và không ngừng phát triển các kênh bán trực tiếp trong năm 2020 tạo nền tảng cho hoạt động SXKD của năm 2021; công tác tái cấu trúc doanh nghiệp (PVOIL Hà Giang sáp nhập vào PVOIL Hà Nội) sẽ góp phần mở rộng thị trường, nâng cao khả năng cạnh tranh thì đơn vị cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nguồn lực nội tại của đơn vị hạn chế, quy mô nguồn nhân lực lớn và thị trường phân công hầu hết nằm xa kho đầu nguồn.

Trên cơ sở nhận định tình hình, để vượt qua khó khăn, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ, kế hoạch năm 2021, HĐQT Công ty định hướng kế hoạch hoạt động với các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021 như sau:

1. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành, công tác phối hợp giữa các thành viên HĐQT. Thường xuyên giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021.

2. Nâng cao chất lượng phối hợp 3 bên giữa Đảng ủy – HĐQT – Ban điều hành nhằm phát huy tối đa sức mạnh tập thể, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong mọi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo; giải quyết nhanh chóng, kịp thời mọi đề xuất, kiến nghị của Ban điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất phát triển hoạt động SXKD của đơn vị.

3. Tiếp tục duy trì việc tổ chức định kỳ các cuộc họp HĐQT, tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban tháng/quý với Ban điều hành, kịp thời giám sát, nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và xây dựng các giải pháp định hướng, chỉ đạo Ban điều hành nâng cao hiệu quả SXKD nhằm hoàn thành tốt nhất mọi chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh năm 2021.

4. Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nâng cao tính chủ động, trách nhiệm, chất lượng quản lý và điều hành, tập trung mọi nguồn lực triển khai thành công phương án tái cấu trúc và tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của đơn vị, cụ thể như sau:

- Đối với công tác kinh doanh:

+ Xây dựng chính sách bán hàng của đơn vị phù hợp với chính sách chung của Tổng công ty và tình hình kinh doanh của đơn vị để đảm bảo kinh doanh an toàn, hiệu quả, tuân thủ các quy định của Tổng công ty, của Nhà nước về kinh doanh xăng dầu.

+ Tổ chức kinh doanh xăng dầu theo địa bàn được phân công, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Tổng công ty giao. Giữ ổn định thị phần và duy trì tốc độ phát triển sản lượng phù hợp với tăng trưởng chung của thị trường được phân công.

+ Đảm bảo ổn định sản lượng tiêu thụ, kinh doanh có hiệu quả và an toàn về vốn, sản lượng xăng dầu kế hoạch năm 2021 là 326.000 m³, trong đó nguồn hàng của TCT từ 95% -100%; tập trung phát triển các vùng thị trường được phân công theo hướng hiệu quả bền vững, đồng thời xây dựng kế hoạch mở rộng các vùng thị trường khi phương án tái cấu trúc được Đại hội đồng cổ đông thông qua; hoàn thiện hệ thống phân phối trong đó gia tăng tỷ trọng tiêu thụ trực tiếp, đẩy mạnh sản lượng bán lẻ, bán khách hàng công nghiệp và đại lý trực tiếp, đặt mục tiêu tỷ trọng bán cho khách hàng công nghiệp và bán lẻ đều chiếm trên 26% tổng sản lượng; tích cực triển khai tốt các hoạt động bán hàng qua chương trình PVOIL Mobile, PVOIL Easy. Năm 2021 phần đầu sản lượng bán qua chương trình PVOIL Easy đạt 18.300 m³.

+ Nâng cao sản lượng kinh doanh tại các chi nhánh, đồng thời khai thác tối đa hiệu quả kho xăng dầu Bắc Giang sau khi được cải tạo, nâng cấp và tiếp tục đầu tư bổ

sung hệ thống phương tiện vận tải xăng dầu nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng, tăng tính cạnh tranh và tiết giảm chi phí.

+ Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh dịch vụ phụ trợ tại các CHXD trực thuộc như kinh doanh dầu mỡ nhờn, rửa xe bơm mỡ, kinh doanh sản phẩm PVOIL Care, cho thuê mặt bằng đặt biển hiệu quảng cáo tại các CHXD, đặc biệt là xây dựng phương án triển khai thí điểm mô hình kinh doanh cửa hàng tiện ích và booth cà phê mang đi tại một số CHXD có lợi thế vị trí, khảo sát phân tích chặt chẽ các phương án kinh doanh để đảm bảo hiệu quả tối ưu khi triển khai.

+ Giao kế hoạch SXKD năm 2021 của PVOIL Hà Nội với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020		KH 2021
				Giá trị	%TH/KH	
1	Sản lượng xăng dầu	M ³	331.500	314.921	95%	326.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	3.959,3	2.834,1	71,4%	3.900,4
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,0	5,67	51,5%	10,0

- Đối với công tác quản trị doanh nghiệp:

+ Triển khai thành công phương án tái cấu trúc doanh nghiệp (sáp nhập PVOIL Hà Giang vào PVOIL Hà Nội) sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

+ Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác quản lý toàn diện mọi mặt hoạt động của các CHXD trực thuộc và Kho xăng dầu, thực hiện nghiêm túc các tiêu chí của Đề án 1114 về nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và Đề án 808 về đánh giá chất lượng dịch vụ Kho xăng dầu, nâng cao chất lượng phối hợp giữa các phòng chức năng và chi nhánh trong kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời mọi sai phạm phát sinh tại khối CHXD và Kho xăng dầu.

+ Nâng cao chất lượng công tác đào tạo và phát triển đội ngũ nguồn nhân lực, đẩy mạnh việc khoán lương và phân phối quỹ lương, quỹ thưởng theo kết quả thực hiện.

+ Liên tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quản lý nội bộ cho phù hợp với thực tiễn và phục vụ tốt nhất hoạt động quản lý điều hành tại đơn vị.

+ Ứng dụng hiệu quả hệ thống Công nghệ thông tin đã được nâng cấp vào hoạt động quản lý, kinh doanh của đơn vị, đồng thời tiếp tục xây dựng phương án ứng dụng CNTT trong công tác quản lý lao động và tiền lương.

+ Xây dựng các phương án huy động và sử dụng vốn cho đầu tư và kinh doanh tối ưu nhất, đồng thời tăng cường các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả SXKD của đơn vị trong năm 2021.

+ Nâng cao chất lượng báo cáo, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản trị và công tác xây dựng kế hoạch sát với thực tế.

+ Tiếp tục duy trì xây dựng hình ảnh thương hiệu PVOIL thông qua triển khai thực hiện quy ước văn hóa và tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

+ Tiếp tục duy trì thực hiện tốt các biện pháp phòng/ chống dịch covid-19 đảm bảo an toàn sức khỏe cộng đồng và Người lao động, đồng thời duy trì hoạt động SXKD của Công ty thông suốt.

- **Đối với công tác quản trị rủi ro:** Tuyệt đối không để phát sinh nợ xấu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu. Nâng cao chất lượng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và giám sát hoạt động kinh doanh tại các CHXD và Kho xăng dầu trong toàn hệ thống, đảm bảo hoạt động của các cửa hàng và Kho an toàn, hiệu quả.

- **Đối với công tác đầu tư, phát triển hệ thống:**

+ Tập trung toàn lực cho công tác phát triển hệ thống CHXD dưới nhiều hình thức với mục tiêu đầu tư phát triển mới ít nhất 02 CHXD tại các vùng thị trường trọng điểm là Hà Nội và các tỉnh lân cận, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của dự án.

+ Hoàn thành công tác sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất cho Kho Bắc Giang và một số CHXD như Hồ Sen, Hợp Tiến, Tân Thịnh, An Hải ...

+ Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng cửa hàng tiện ích tại CHXD Lập Thạch, Phù Lỗ.

+ Đầu tư mới 2 xe sitec dung tích 22-24 m³/xe với giá trị dự kiến 6,5 tỷ đồng.

+ Đầu tư mua sắm cột bơm mới để thay thế/ lắp đặt cho các CHXD trong hệ thống với giá trị dự kiến 3,9 tỷ đồng.

+ Đầu tư lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái tại Tòa nhà văn phòng PVOIL Hà Nội với giá trị dự kiến 1,1 tỷ đồng.

+ Thường xuyên tiến hành rà soát, kiểm tra, duy tu trang thiết bị, cơ sở vật chất, đảm bảo an toàn PCCC, đáp ứng yêu cầu theo đề án 1114 và 808, phục vụ tốt nhất kinh doanh tại kho xăng dầu và hệ thống CHXD.

+ Bám sát các cơ quan chức năng để hoàn thiện dứt điểm công tác xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho CHXD Đông Mỹ và khu đất tại CHXD Thái Thịnh.

Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh khó khăn, Công ty quyết tâm đảm bảo giữ vững ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, hài hòa lợi ích của các cổ đông với mục tiêu phát triển Công ty an toàn - hiệu quả.

Trước những khó khăn, thách thức trong năm 2021, để hoàn thành kế hoạch được giao, HĐQT đề nghị tập thể người lao động Công ty hết sức nỗ lực, đoàn kết, thống nhất và phát huy sáng kiến phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 và các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đặt ra, nâng cao đời sống vật chất,

văn hóa tinh thần cho tập thể người lao động và đem lại giá trị gia tăng cho các cổ đông của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội. Rất mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.LTH.01b.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Vũ Hoài Lam





CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU ĐÀO KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

3. BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hà Nội, tháng 4/2021

Số: 518/BC-BKS

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO
Về việc hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020
và kế hoạch hoạt động năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội,

Ban kiểm soát PVOIL Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát năm 2020, tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên và kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

PHẦN 1
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

I. Tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên năm 2020

1. Cơ cấu tổ chức, tiền lương, thù lao

Ban kiểm soát của PVOIL Hà Nội gồm 3 thành viên:

- | | |
|--------------------------|--------------|
| 1. Ông Vũ Văn Nghị | - Trưởng ban |
| 2. Ông Đặng Tùng Sơn | - Thành viên |
| 3. Bà Trần Thị Bích Ngọc | - Thành viên |

Trưởng Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 Kiểm soát viên hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm. Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty, các Kiểm soát viên kiêm nhiệm nhận thù lao theo mức được HĐQT phê duyệt hằng năm.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2020, được sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty; Ban Kiểm soát Công ty đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động của Ban, cụ thể là:

- Kiểm soát việc thực hiện Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty; kiểm soát tính tuân thủ các quy định của Nhà nước; quy định, quy chế nội bộ của Công ty tại các Phòng/Chi nhánh thuộc, các CHXD trực thuộc Công ty;

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty;

- Ban Kiểm soát Công ty đã triển khai thực hiện các công việc theo đúng kế hoạch đã trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

- Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty về công tác quản trị và điều hành Công ty. Đề xuất, kiến nghị với Ban điều hành các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro trong công tác quản lý tài chính, quản lý hàng hóa...

- Thảo luận với Công ty TNHH Kiểm toán An Việt để thống nhất kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số. Các báo cáo về kết quả giám sát, kiểm tra hoạt động Công ty và các kiến nghị của BKS đối với HĐQT và Ban Điều hành đều được các thành viên BKS trao đổi, thảo luận và thống nhất.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của BKS được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được ĐHĐCĐ thông qua, Trưởng BKS đã phân công nhiệm vụ cho mỗi kiểm soát viên để đảm bảo hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát tự đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, cụ thể:

3.1. Ông Vũ Văn Nghị - Trưởng Ban Kiểm soát

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Quy chế, quy định, chỉ thị của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc.

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính hàng Quý/năm.

- Thực hiện giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, việc thực hiện chính sách bán hàng, công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý hàng hóa đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước, Tổng công ty và Công ty, phát hiện và cảnh báo các rủi ro tiềm ẩn.

3.2. Ông Đặng Tùng Sơn và bà Trần Thị Bích Ngọc – Kiểm soát viên

- Phối hợp Trưởng ban kiểm soát trong việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, Quy chế, quy định.
- Phối hợp Trưởng ban kiểm soát giám sát tình hình thực hiện chính sách bán hàng, công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản.
- Tham gia đóng góp ý kiến, kiến nghị tới Hội đồng quản trị, Ban giám đốc thông qua Trưởng ban kiểm soát.

II. Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2020 của Ban kiểm soát

1. Đối với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc

1.1. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị

- HĐQT định hướng phát triển Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định về chủ trương chính sách về các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng thời điểm, từng giai đoạn. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ các nội dung Nghị quyết của ĐHCĐ, đúng thẩm quyền theo Điều lệ công ty, phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Trong năm, HĐQT đã ban hành và sửa đổi bổ sung các Quy chế, Quy định cho phù hợp với yêu cầu và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh. Nội dung các quy chế, quy định do HĐQT ban hành là cụ thể hóa các quy định của Nhà nước theo điều kiện thực tế và đặc thù của đơn vị, tạo hành lang pháp lý cho các lĩnh vực và hoạt động của Công ty.

- HĐQT định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT tại các cuộc họp giao ban hàng tháng/quý của Công ty.

- HĐQT giám sát hoạt động của Công ty thông qua công tác kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ thực hiện của Ban điều hành đối với Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy chế, quy định của Công ty.

1.2. Công tác điều hành của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty tuân thủ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm theo Nghị quyết của ĐHCĐ, tuân thủ các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ các quy định của Nhà nước, quy chế, quy định của Tổng công ty và Công ty.

- Ban Giám đốc thực hiện công tác điều hành theo đúng thẩm quyền và phân cấp, tuân thủ quy chế điều hành và quy chế phối hợp HĐQT - Giám đốc.

- Trong năm 2020, Giám đốc Công ty đã xây dựng và ban hành sửa đổi bổ sung các quy định, quy trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời sửa đổi bổ sung một số các quy định quy trình cho phù hợp điều kiện thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với yêu cầu quản lý và điều hành công ty, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành ổn định và an toàn.

- Hoạt động điều hành của Ban Giám đốc luôn bám sát các mục tiêu, kế hoạch được phê duyệt, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

2.1. Các chỉ tiêu sản lượng bán hàng

ĐVT: nghìn m³/tấn

Kênh tiêu thụ	Kế hoạch		Thực hiện		TH/KH
	Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	
TNPP/TNNQ/ĐL	161.100	48,6%	135.464	43,0%	84,0%
KHCN và mua bán	87.000	26,2%	100.559	31,9%	115,6%
CHXD	83.400	25,2%	78.898	25,1%	94,6%
Tổng cộng	331.500	100,0%	314.921	100,0%	95,0%

* Sản lượng trên không bao gồm sản lượng DMN

2.2. Các chỉ tiêu tài chính

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
- Doanh thu	3.969,3	2.834,1	71,4%
- Chi phí hoạt động	158,2	163,63	103,4%
- Chi phí hoạt động bình quân đồng/lít	472	520	110,2%
- Lợi nhuận trước thuế	11,0	5,67	51,5%
- Tỷ suất LNTT/Vốn ĐL	4,4%	2,27%	

3. Tình hình thực hiện đầu tư

3.1. Đầu tư phát triển hệ thống CHXD

Trong năm 2020, PVOIL Hà Nội tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư tại các thị trường được phân công, đồng thời làm tốt công tác khảo sát, phân tích dữ liệu để đảm bảo tính khả thi của các dự án khi được triển khai. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan nên công tác đầu tư phát triển chưa đạt được kết quả mong muốn, cụ thể: hoàn thành thuê lại 01 CHXD Đồng Tiến - Thái Nguyên của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP và đưa vào hoạt động từ 01/04/2020, đạt 50% kế hoạch được giao.

3.2. Đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa CHXD

Năm 2020, PVOIL Hà Nội đã tiến hành rà soát và hoàn thành cải tạo, sửa chữa, duy tu, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị tại các CHXD như CHXD Phú Thành, Tân Sơn, Mường Khương, Phù Lỗ, Cốc San, Xuân Giao, kho xăng dầu Bắc Giang vừa góp phần nâng cao sản lượng cho khối kinh doanh bán lẻ, đồng thời mở rộng và quảng bá hình ảnh, thương hiệu PVOIL trên toàn hệ thống.

3.3. Công tác mua sắm máy móc, trang thiết bị

Năm 2020, PVOIL Hà Nội đã hoàn thành đầu tư mua mới 2 xe xitec 22m³ phục vụ sản xuất kinh doanh; thay thế cột bơm cho CHXD An Hải, tổng giá trị 6,3 tỷ đồng.

3.4. Công tác hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý các CHXD

PVOIL Hà Nội đã tích cực làm việc với các sở ban ngành trong việc hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 Cửa hàng xăng dầu (CHXD Thái Thịnh, CHXD Đông Mỹ), tuy nhiên do thủ tục hành chính của các cơ quan chức năng rườm rà và pháp lý hồ sơ các tài sản phức tạp nên chưa hoàn thành kế hoạch được giao.

4. Công tác tổ chức quản lý

- Công ty với hệ thống tổ chức hoạt động gồm Văn phòng Công ty và 16 Chi nhánh trực thuộc tại các tỉnh thành. Bộ máy của các Chi nhánh chủ yếu do cán bộ khối Văn phòng Công ty kiêm nhiệm để không tăng nhân sự, tiết kiệm chi phí, tại một số thị trường tiềm năng thì có Giám đốc chi nhánh và cán bộ kinh doanh chuyên trách để khai thác mở rộng thị trường (Đông Hà Nội, Hòa Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên).

- Triển khai các giải pháp nhằm củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng gọn nhẹ, nâng cao hiệu quả quản lý, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, xây dựng quy trình nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả công việc.

- Công ty đã xây dựng và ban hành được hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý, điều hành của Công ty, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh, nâng cao hiệu quả và an toàn trong quản lý sử dụng vốn và tài sản của Công ty.

- Công ty thường xuyên tiến hành rà soát, sửa đổi bổ sung và xây dựng mới các quy chế, quy định phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu quản lý.

- Công ty đã thành lập đoàn kiểm tra nội bộ đột xuất theo quý để thực hiện kiểm tra hoạt động của các chi nhánh/CHXD.

5. Công tác quản lý tài chính

- Công ty kiểm soát tốt việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản; tuân thủ các quy định của Công ty và Tổng công ty về quản lý tài chính.

- Công ty đã ban hành QĐ số 1028/QĐ-XDHN ngày 09/6/2015 về việc thành lập Hội đồng thẩm định các hình thức thanh toán trả chậm, QĐ số 3139/QĐ-XDHN

ngày 29/12/2020 về việc thành lập Hội đồng xét quyết và Tổ giúp việc “Công tác bán hàng và quản lý nợ tín chấp”; QĐ số 1281/QĐ-XDHN ngày 08/06/2020 về việc “Quy định về bán hàng và quản lý công nợ”. Công ty đã thực nghiêm túc việc thẩm định và cấp hạn mức nợ có bảo lãnh ngân hàng và nợ tín chấp năm 2020 cho khách hàng (cả về thời gian và giá trị) trước khi bán hàng, không để phát sinh khoản nợ xấu nào trong năm 2020. Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2020 là 0 đồng.

- Công ty thực hiện tốt việc quản trị nguồn vốn và dòng tiền, không bị chiếm dụng vốn.

6. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban Giám đốc

- Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành nên nắm bắt được kịp thời và đầy đủ mọi thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận và nắm bắt được tất cả các hoạt động của Công ty.

III. Kiến nghị

1. Kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban điều hành

1.1. Hoạt động quản lý, điều hành

HĐQT và Ban Giám đốc phối hợp tốt, tuân thủ quy chế về Người đại diện phần vốn của Tổng công ty, quy chế làm việc và phối hợp giữa HĐQT - Giám đốc, quy chế phân cấp đầu tư của Công ty, đạt được những hiệu quả tích cực. Đề nghị HĐQT - Ban Giám đốc tiếp tục phát huy tinh thần cởi mở, tích cực trong công tác phối hợp, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong quản lý và điều hành Công ty trong năm 2020.

1.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đề nghị HĐQT – Ban Giám đốc Công ty tập trung nguồn lực phát triển hệ thống CHXD bằng nhiều hình thức; áp dụng các biện pháp, chính sách dài hạn để gia tăng sản lượng tại các CHXD hiện có, nâng cao tỷ trọng bán lẻ; gia tăng sản lượng bán hàng tại một số cửa hàng có sản lượng bán hàng thấp (dưới 50m³) đồng thời tiết giảm chi phí góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách để chuyển dịch cơ cấu khách hàng theo hướng giảm phụ thuộc vào nhóm khách hàng trung gian (TNPP/TNNQBL/TĐL); đẩy mạnh phát triển hệ thống KHCN/ Khách hàng tiêu thụ trực tiếp/CHXD.

- Định kỳ tổ chức đánh giá sản lượng thực hiện thực tế của từng khách hàng, điều chỉnh hạn mức công nợ phù hợp với sản lượng thực tế;

- Phối hợp chặt chẽ với các công ty trực thuộc PVOIL để thống nhất chính sách bán hàng, hạn chế tối đa việc cạnh tranh nội bộ gây thiệt hại không đáng có trong kinh doanh.

1.3. Hoạt động đầu tư, phát triển hệ thống

- Đa dạng hóa các hình thức phát triển hệ thống CHXD: mua, thuê, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh... để tăng số lượng CHXD, nâng cao hiệu quả kinh doanh;

- Công ty tập trung sớm hoàn tất các hồ sơ thủ tục pháp lý để giảm thiểu rủi ro phát sinh liên quan đến quyền sở hữu đất và tài sản trên đất;

1.4. Công tác tổ chức

- Đề nghị thường xuyên kiểm tra, rà soát việc thực hiện các quy định, quy trình, quy chế của Công ty, sửa đổi bổ sung đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý và kinh doanh xăng dầu;

- Định kỳ tổ chức đánh giá tính khả thi và hiệu lực của các quy chế, quy định đã ban hành. Tổ chức bộ phận tiếp nhận phản hồi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả, việc thực hiện của các quy chế, quy định, quy trình để có những sửa đổi bổ sung hoặc điều chỉnh cho phù hợp.

1.5. Công tác quản lý tài chính

- Công ty cần khắc phục các ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán độc lập tại báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2020;

- Tăng cường kiểm soát đối với công tác quản lý nợ phải thu, đảm bảo không phát sinh nợ vượt hạn mức và nợ vượt thời gian.

2. Kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông

- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị với một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh chính trình trước Đại hội;

- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty; phương án chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2020 và mức thù lao kế hoạch năm 2021.

PHẦN 2 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Nội dung	Thời gian	Đơn vị phối hợp
I. Giám sát hoạt động quản lý và điều hành		
- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD

- Giám sát việc tuân thủ các quy trình quy chế của Công ty, Tổng công ty và các quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
- Giám sát việc chấp hành của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
- Giám sát việc tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện các quyết định, ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
II. Giám sát hoạt động đầu tư phát triển hệ thống		
- Giám sát công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới CHXD. Giám sát tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác, giám sát quyết toán từng công trình	Theo tiến độ thực tế	Phòng KHĐT
- Giám sát việc tổ chức thẩm định giá, đàm phán giá chuyển nhượng, giám sát thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khi mua lại các CHXD	Theo tiến độ thực tế	Phòng KHĐT
III. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh		
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được HĐQT phê duyệt	Hàng tuần, hàng tháng	Phòng KDXD, KDTN
- Giám sát việc tuân thủ quy chế bán hàng của Tổng công ty, quy chế quản lý hàng hóa tại kho và cửa hàng xăng dầu	Các tháng cuối quý	Phòng KDXD, KDTN
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế khoán đối với các cửa hàng xăng dầu và đội xe sitec vận chuyển xăng dầu.	Các tháng cuối quý	Phòng KDTN
- Thẩm định báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý trình HĐQT xem xét.	Đầu quý sau quý báo cáo	Phòng KDXD, KDTN
IV. Giám sát công tác tài chính kế toán		
- Giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng vốn và tài sản của Công ty vào các hoạt động đầu tư, XDDB, mua sắm tài sản, sản xuất kinh doanh.	Thường xuyên	Phòng TCKT
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ thực hiện quy chế tài chính, quy chế quản lý tiền hàng công nợ của Công ty.	Các tháng cuối quý	Phòng TCKT
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý của Công ty trình HĐQT xem xét.	Đầu quý sau quý báo cáo	Phòng TCKT
- Kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, tình hình quản lý và sử dụng tài sản, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, việc chấp hành các quy chế quy định nội bộ của Công ty tại các chi nhánh và các cửa hàng xăng dầu trực thuộc.	Các tháng cuối quý	Phòng TCKT

- Xem xét các báo cáo kiểm toán của cơ quan kiểm toán độc lập.	Sau khi kiểm toán	Công ty Kiểm toán
--	-------------------	-------------------

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua báo cáo hoạt động, tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HĐQT (để b/c);
- KSNB TCT (để b/c);
- HĐQT, Ban GD (để p/h t/h);
- Lưu: VT, BKS, VVN.01b.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
ĐẠI HỘI ĐỒNG BAN**



Vũ Văn Nghị





CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

5. BÁO CÁO

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020
VÀ LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2021

Hà Nội, tháng 4/2021

Số: 549/XDHN-BC-BKS

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO
Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020
và tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt ngày 05/02/2021 kiểm toán kết thúc năm tài chính 2020 (đính kèm);

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 và tờ trình phê duyệt đơn vị kiểm toán năm 2021 như sau:

I. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính và kỳ kế toán

- Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam;

- Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động của Công ty từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, biểu mẫu báo cáo thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 và hiệu lực từ 01/01/2015 thay thế cho Quyết định 15/BTC.

2. Tình hình tài sản và nguồn vốn năm 2020

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	NGÀY 31/12/2020	NGÀY 31/12/2019
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	310.703.179.573	358.899.682.402
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	51.393.513.876	53.998.929.105
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	166.865.529.074	184.052.520.224

3. Hàng tồn kho	87.177.449.673	112.963.186.040
4. Tài sản ngắn hạn khác	5.266.686.950	7.885.047.033
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	224.851.973.447	238.810.457.994
1. Tài sản cố định	126.842.095.077	130.063.503.807
2. Tài sản dở dang dài hạn	124.696.970	918.302.910
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.394.066.816	5.394.066.816
4. Tài sản dài hạn khác	92.491.114.584	102.434.584.461
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	535.555.153.020	597.710.140.396
NGUỒN VỐN		
I. NỢ PHẢI TRẢ	266.194.055.340	328.937.022.104
1. Nợ ngắn hạn	264.668.416.380	328.186.146.883
2. Nợ dài hạn	1.525.638.960	750.875.221
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	269.361.097.680	268.773.118.292
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000.000.000	250.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	15.941.718.932	15.941.718.932
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.419.378.748	2.831.399.360
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	535.555.153.020	597.710.140.396

3. Tình hình kết quả kinh doanh năm 2020

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.835.317.722.143	4.269.880.509.575
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.207.243.612	1.246.541.958
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.834.110.478.531	4.268.633.967.617
4. Giá vốn hàng bán	2.678.525.642.385	4.120.090.818.872
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	155.584.836.146	148.543.148.745
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.119.933.398	3.363.848.062
7. Chi phí tài chính	229.656.462	627.476.177
- Chi phí lãi vay	229.656.462	627.476.177
8. Chi phí bán hàng	122.574.860.962	112.881.806.368
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.769.688.985	33.995.440.501
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(6.869.436.865)	4.402.273.761
11. Thu nhập khác	12.820.587.543	1.061.894.960
12. Chi phí khác	283.831.993	350.920.583
13. Lợi nhuận khác	12.536.755.550	710.974.377
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.667.318.685	5.113.248.138
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.969.965.760	2.690.254.665
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.697.352.925	2.422.993.473
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	146	131

4. Công tác quản lý tài chính, sổ sách, chứng từ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

6. TỜ TRÌNH

THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2020

Hà Nội, tháng 4/2021

Số: 520/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt ngày 05/02/2021 kiểm toán kết thúc năm tài chính 2020 (đính kèm);

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tại 31/12/2020)
I	TỔNG TÀI SẢN	535.555.153.020
1	Tài sản ngắn hạn	310.703.179.573
	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	51.393.513.876
	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	166.865.529.074
	<i>Hàng tồn kho</i>	87.177.449.673
	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	5.266.686.950
2	Tài sản dài hạn	224.851.973.447
	<i>Tài sản cố định</i>	126.842.095.077
	<i>Bất động sản đầu tư</i>	124.696.970
	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	5.394.066.816
	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	92.491.114.584
II	NGUỒN VỐN	535.555.153.020
1	Nợ phải trả	266.194.055.340
	<i>Nợ ngắn hạn</i>	264.668.416.380
	<i>Nợ dài hạn</i>	1.525.638.960
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	269.361.097.680
	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	250.000.000.000



	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	15.941.718.932
	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	3.419.378.748
III	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.834.110.478.531
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2020	5.667.318.685
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	2.697.352.925
4	Lợi nhuận còn lại năm 2019 chuyển sang	1.184.794.182
5	Thanh toán tiền lợi nhuận cố định năm 2020 của hợp đồng liên danh của CHXD Nam Khê và CHXD Diễn Châu năm 2019 và tiền thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2019	400.437.000
6	Điều chỉnh giảm theo biên bản kiểm toán Nhà nước	62.331.359
7	Tổng lợi nhuận còn lại năm 2020 và 2019 (7=3+4-5-6)	3.419.378.748

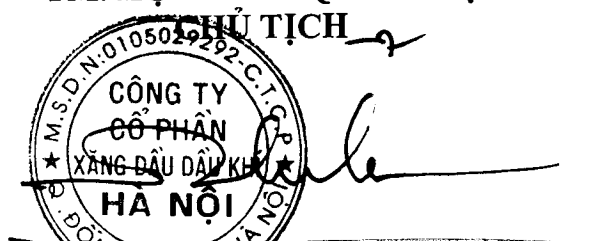
Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

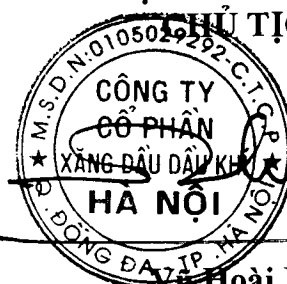
- Như trên;
- TV HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.LTH.01b.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Hoài Lam



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

M.S.N

Hà Nội, tháng 02 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") lập và trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Ông Vũ Hoài Lam	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Mạnh Hà	Thành viên, Giám đốc
Ông Lưu Chí Nguyễn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/08/2020)
Ông Hoàng Minh Thái	Thành viên
Ông Đào Đại Thắng	Phó Giám đốc
Ông Trần Việt Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Giám đốc
Ông Đào Xuân Hữu	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phản ánh một cách trung thực hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Trần Mạnh Hà
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2021



Số: 12/2021/KT-AVI-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 05/02/2021, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính: không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

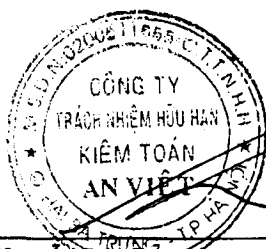
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, Công ty chưa thực hiện ghi giảm nguyên giá và giá trị còn lại đối với CHXD Mường Khương và CHXD Tân Sơn do đã phá dỡ với giá trị tương ứng là 1.578.430.023 đồng và 722.048.589 đồng; Công ty chưa xác định và trích lập đầy đủ khoản dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Petec theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam với giá trị ước tính là 1.886.675.136 đồng. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo chưa bao gồm các khoản điều chỉnh do ảnh hưởng từ vấn đề nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Dương
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CNDKHNKT 0387-2018-055-1

Phạm Thị Liên
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 2507-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2021

Phụ lục
G
M
T
V
N

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		310.703.179.573	358.899.682.402
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	51.393.513.876	53.998.929.105
1. Tiền	111		51.393.513.876	53.998.929.105
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		166.865.529.074	184.052.520.224
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	164.721.499.440	178.510.307.483
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		777.015.180	516.432.370
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.367.014.454	5.025.780.371
III. Hàng tồn kho	140	8	87.177.449.673	112.963.186.040
1. Hàng tồn kho	141		87.177.449.673	112.963.186.040
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.266.686.950	7.885.047.033
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	3.926.842.406	5.710.330.089
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.339.844.544	2.174.716.944
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		224.851.973.447	238.810.457.994
I. Tài sản cố định	220		126.842.095.077	130.063.503.807
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	93.925.455.268	96.242.364.864
- Nguyên giá	222		180.006.988.499	170.617.034.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.081.533.231)	(74.374.669.772)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	32.916.639.809	33.821.138.943
- Nguyên giá	228		41.888.503.357	41.888.503.357
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.971.863.548)	(8.067.364.414)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		124.696.970	918.302.910
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	124.696.970	918.302.910
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	5.394.066.816	5.394.066.816
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.954.128.000	7.954.128.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.560.061.184)	(2.560.061.184)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		92.491.114.584	102.434.584.461
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	92.491.114.584	102.434.584.461
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		535.555.153.020	597.710.140.396

Các Thuyết minh từ trang 9 đến trang số 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

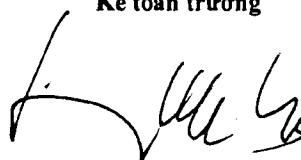
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		266.194.055.340	328.937.022.104
I. Nợ ngắn hạn	310		264.668.416.380	328.186.146.883
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	140.440.183.299	230.661.845.316
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.102.621.737	8.698.694.744
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	72.929.164.725	65.447.764.383
4. Phải trả người lao động	314		10.372.719.024	10.546.547.742
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.817.439.477	248.629.636
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		473.440.000	266.436.223
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	19.858.718.379	11.372.398.028
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		9.925.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		749.129.739	943.830.811
II. Nợ dài hạn	330		1.525.638.960	750.875.221
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	15	1.525.638.960	750.875.221
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		269.361.097.680	268.773.118.292
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	269.361.097.680	268.773.118.292
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.941.718.932	15.941.718.932
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.419.378.748	2.831.399.360
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.831.399.360	581.142.887
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		587.979.388	2.250.256.473
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		535.555.153.020	597.710.140.396

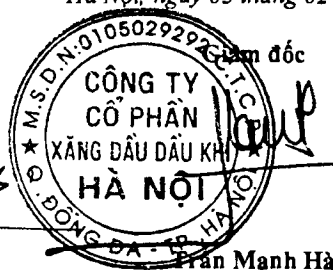
Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Thu Trang


 Lê Đức Dân



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	2.835.317.722.143	4.269.880.509.575
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.207.243.612	1.246.541.958
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.834.110.478.531	4.268.633.967.617
4. Giá vốn hàng bán	11	21	2.678.525.642.385	4.120.090.818.872
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		155.584.836.146	148.543.148.745
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.119.933.398	3.363.848.062
7. Chi phí tài chính	22		229.656.462	627.476.177
8. Trong đó: Chi phí lãi vay	23		229.656.462	627.476.177
9. Chi phí bán hàng	25	22	122.574.860.962	112.881.806.368
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	40.769.688.985	33.995.440.501
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.869.436.865)	4.402.273.761
12. Thu nhập khác	31	25	12.820.587.543	1.061.894.960
13. Chi phí khác	32		283.831.993	350.920.583
14. Lợi nhuận khác	40		12.536.755.550	710.974.377
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.667.318.685	5.113.248.138
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.969.965.760	2.690.254.665
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.697.352.925	2.422.993.473
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		146	131

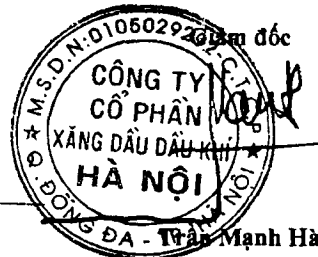
Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Trang


Lê Đức Dân



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B03 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.667.318.685	5.113.248.138
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13.271.362.593	13.031.445.319
- Các khoản dự phòng	03	774.763.739	(484.776.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(508.386.369)	(479.620.226)
- Chi phí lãi vay	06	229.656.462	627.476.177
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.434.715.110	17.807.773.408
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	18.021.863.550	4.860.681.535
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	25.785.736.367	(99.216.769.545)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(75.296.293.194)	109.786.615.053
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	11.726.957.560	(1.198.315.147)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(229.656.462)	(627.476.177)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(882.772.398)	(3.446.900.775)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.304.074.609)	(4.149.815.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.743.524.076)	23.815.793.052
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.295.277.522)	(17.720.569.215)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	429.623.636	363.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	78.762.733	75.666.635
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.786.891.153)	(17.280.993.489)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	268.881.500.000	490.003.965.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(258.956.500.000)	(490.003.965.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(6.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.925.000.000	(6.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.605.415.229)	284.799.563
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	53.998.929.105	53.714.129.542
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	51.393.513.876	53.998.929.105

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Trang

Lê Đức Dân



Các Thuyết minh từ trang 9 đến trang số 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0105029292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/02/2010. Đăng ký thay đổi lần 10, ngày 25/10/2018. Tên giao dịch Quốc tế của Công ty là PETROVIETNAM OIL HANOI JOINT STOCK COMPANY viết tắt là PVOIL HANOI.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 250.000.000.000 đồng. Các cổ đông sáng lập gồm:

- Tổng công ty Dầu Việt Nam góp 178.366.000.000 đồng, chiếm 71,3% vốn điều lệ;
- Ngân hàng Thương mại TNHH Đại Dương góp 27.500.000.000 đồng chiếm 11% vốn điều lệ
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á góp 7.500.000.000 đồng chiếm 3% vốn điều lệ
- Các cổ đông khác góp 36.634.000.000 đồng chiếm 14,7% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại số 194 phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 347 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 347 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, đường thủy, bến cảng, các hệ thống bồn chứa xăng dầu và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê, đường hầm, công trình thể thao ngoài trời;
- Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Môi giới và xúc tiến thương mại;
- Đại lý mua, bán ký gửi hàng hóa;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải;
- Dịch vụ lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách đường sắt, đường thủy và đường bộ;
- Lắp đặt máy móc thiết bị;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Khai thác dầu thô;
- Bán lẻ, bán buôn xăng dầu;
- Dịch vụ xăng dầu bao gồm: dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu, dịch vụ vận tải xăng dầu;
- Kinh doanh xăng dầu: xuất khẩu (xăng dầu, nguyên liệu sản xuất trong nước và xăng dầu, nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu), nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, sản xuất, pha chế xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; sản phẩm cho ngành hóa dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường, cồn trắng, varolin, sáp paraffin, nhớt, bánh dầu, sản phẩm dầu mỡ tinh chế.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh được**

Các thông tin và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đảm bảo khả năng so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền).

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản nợ, tài sản và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Mức khấu hao (Năm)

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

4.7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế, phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÀU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất, công cụ dụng cụ, chi phí thuê cửa hàng được phân bổ dần vào chi phí, chi phí sửa chữa cửa hàng xăng dầu. Giá trị lợi thế vị trí địa lý các lô đất được phân bổ dần vào chi phí tương ứng với thời gian thuê còn lại của các lô đất kể từ khi nhận tài sản góp vốn của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (giá trị phân bổ được trừ khi tính thuế TNDN). Giá trị công cụ dụng cụ được phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định thể hiện số tiền thuê đã trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.10. Quyết toán quỹ tiền lương và các khoản trích theo lương

Công ty đang thực hiện trích quỹ tiền lương theo hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và các hướng hướng dẫn của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP. Trong năm, Công ty thực hiện trích quỹ tiền lương 41,4 tỷ đồng.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

4.13. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.14. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc các khoản nợ phải thu trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 27.

4.16. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2.284.306.829	18.739.896
Tiền gửi ngân hàng	49.101.807.047	53.349.391.403
Tiền đang chuyển	7.400.000	630.797.806
Cộng	51.393.513.876	53.998.929.105

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - XN Vật tư Hòn Gai	69.009.786.351	82.927.231.796
Công ty Cổ phần TM và DV Xăng dầu Thành Long	2.584.316.412	-
Công ty Than Khánh Hòa	-	2.049.218.028
Công ty TNHH Tân Bình	6.250.809.472	1.357.100.942
Công ty Cổ phần Thương mại Chí Linh	-	4.614.419.936
Tổng công ty Đường Sắt Việt Nam (XN Đầu máy Vinh)	10.088.453.519	13.181.742.505
CN Mô tuyến đồng Sin Quyền - VIMICO	3.898.073.284	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Tự lực I	4.950.609.826	4.973.634.496
Công ty Cổ phần Đại Đồng Xuân	4.961.453.180	6.998.304.310
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xi nghiệp Vật tư Hòn Gai	12.841.630.804	4.579.864.390
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Uông Bí	-	8.055.564.110
Công ty Xây dựng Công nghiệp Mỏ - CN TCT Đông Bắc	9.004.954.106	12.314.750.380
Các khoản phải thu khách hàng khác	41.131.412.486	37.458.476.590
Cộng	164.721.499.440	178.510.307.483
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (*)	1.602.384.006	9.545.972.661

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 27.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Petro Vietnam - Vinashin	447.170.500	-	-	-
Công ty TNHH MTV Logistics	-	-	2.516.843.299	-
Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	87.472.860	-	22.351.377	-
Công ty TNHH thương mại và vận tải Phương Anh	-	-	1.541.035.580	-
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Tân Hồng Hà	291.416.520	-	301.016.332	-
Công ty Cổ Phần E95	266.512.770	-	264.958.900	-
Công ty TNHH Đại Quế Lâm	170.577.540	-	210.529.440	-
Phải thu khác	103.864.264	-	100.045.443	-
Tạm ứng	-	-	69.000.000	-
Cộng	1.367.014.454	-	5.025.780.371	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Xăng A95	19.195.734.335	-	14.499.452.301	-
Xăng E5	18.714.415.010	-	46.980.734.497	-
Dầu DO 0.5%S	47.735.946.409	-	50.239.582.104	-
Dầu mỡ nhờn	1.209.394.467	-	773.134.310	-
Chi phí mua	212.491.043	-	343.254.498	-
Hàng hóa khác	109.468.409	-	127.028.330	-
Cộng	87.177.449.673	-	112.963.186.040	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.926.842.406	5.710.330.089
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	3.926.842.406	5.710.330.089
b) Dài hạn	92.491.114.584	102.434.584.461
Giá trị lợi thế vị trí địa lý	80.103.787.016	87.092.324.420
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.387.327.568	15.342.260.041
Cộng	96.417.956.990	108.144.914.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại 01/01/2020	105.417.415.148	24.112.783.777	34.802.613.076	6.184.222.635	100.000.000	170.617.034.636
Mua trong năm	4.305.436.914	369.419.276	5.414.027.272	-	-	10.088.883.462
Thanh lý, nhượng bán	-	-	660.000.000	-	-	660.000.000
Giảm khác	3.111.417	-	35.818.182	-	-	38.929.599
Tại 31/12/2020	109.719.740.645	24.482.203.053	39.520.822.166	6.184.222.635	100.000.000	180.006.988.499
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2020	37.719.471.197	11.812.412.620	20.348.717.728	4.448.234.912	45.833.315	74.374.669.772
Khấu hao trong năm	9.013.433.570	1.723.296.045	3.219.803.843	658.207.061	9.999.996	14.624.740.515
Thanh lý, nhượng bán	-	-	660.000.000	-	-	660.000.000
Giảm khác	2.252.993.960	4.883.096	-	-	-	2.257.877.056
Tại 31/12/2020	44.479.910.807	13.530.825.569	22.908.521.571	5.106.441.973	55.833.311	86.081.533.231
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2020	67.697.943.951	12.300.371.157	14.453.895.348	1.735.987.723	54.166.685	96.242.364.864
Tại 31/12/2020	65.239.829.838	10.951.377.484	16.612.300.595	1.077.780.662	44.166.689	93.925.455.268
<i>Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng</i>	3.342.330.623	6.918.478.385	3.253.233.530	564.510.207	-	14.078.552.745

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Chương trình phần mềm VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại 01/01/2020	38.466.349.921	90.000.000	2.300.990.718	1.031.162.718	41.888.503.357
Tại 31/12/2020	38.466.349.921	90.000.000	2.300.990.718	1.031.162.718	41.888.503.357
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2020	5.409.519.085	90.000.000	1.966.765.189	601.080.140	8.067.364.414
Khấu hao trong năm	669.322.860	-	168.700.008	66.476.266	904.499.134
Tại 31/12/2020	6.078.841.945	90.000.000	2.135.465.197	667.556.406	8.971.863.548
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2020	33.056.830.836	-	334.225.529	430.082.578	33.821.138.943
Tại 31/12/2020	32.387.507.976	-	165.525.521	363.606.312	32.916.639.809
<i>Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng</i>	-	90.000.000	1.794.890.718	489.900.000	2.374.790.718

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác						
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật Đầu tư (PETEC)	7.954.128.000	(2.560.061.184)	5.394.066.816	7.954.128.000	(2.560.061.184)	5.394.066.816
Cộng	7.954.128.000	(2.560.061.184)	5.394.066.816	7.954.128.000	(2.560.061.184)	5.394.066.816

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Mua sắm tài sản	-	49.806.091
Xây dựng cơ bản	84.242.425	115.648.455
Sửa chữa lớn TSCĐ	40.454.545	752.848.364
Cộng	124.696.970	918.302.910

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	113.307.671.580	195.219.001.753
Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí Hải Phòng	6.340.104.908	5.578.474.075
Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Cái Lân	5.722.407.167	9.872.527.341
CN Công ty CP Dầu nhờn PV Oil Miền Bắc	4.292.432.392	7.333.763.239
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	4.179.342.428	7.321.618.184
Các đối tượng khác	6.598.224.824	5.336.460.724
Cộng	140.440.183.299	230.661.845.316
Trong đó:		
Phải trả khách hàng là các bên liên quan (*)	134.458.495.709	226.247.660.900

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 27.

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Rủi ro phải trả về thiệt hại môi trường	1.525.638.960	750.875.221
Cộng	1.525.638.960	750.875.221

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	114.461.418	109.295.056
Bảo hiểm thất nghiệp	1.693.256	1.693.256
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	547.000.000	517.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	683.951.270	1.769.849.910
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí PVOIL Miền Trung	2.565.941.356	1.592.845.790
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.781.221.623	2.000.729.787
Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Sài Gòn	1.340.698.275	22.159.977
Doanh thu chưa thực hiện	473.440.000	266.436.223
Phải trả khác	10.350.311.181	5.092.388.029
Cộng	19.858.718.379	11.372.398.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Phát sinh trong năm		31/12/2020
		Phải nộp	Đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.919.760.967	86.236.506.778	86.637.026.684	3.519.241.061
Thuế thu nhập doanh nghiệp	215.827.203	2.969.965.760	882.772.398	2.303.020.565
Thuế thu nhập cá nhân	127.371.280	519.638.662	627.027.479	19.982.463
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.731.115.018	4.731.115.018	-
Thuế môn bài	-	46.500.000	46.500.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	61.184.804.933	762.497.917.122	756.595.801.419	67.086.920.636
Cộng	65.447.764.383	857.001.643.340	849.520.242.998	72.929.164.725
Trong đó :				
- Số thuế phải nộp	65.447.764.383			72.929.164.725
- Số thuế phải thu	-			-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	250.000.000.000	14.941.718.932	11.941.516.749	276.883.235.681
- Lãi trong năm	-	-	2.422.993.473	2.422.993.473
- Phân phối lợi nhuận	-	1.000.000.000	(11.533.110.862)	(10.533.110.862)
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	-	<i>1.000.000.000</i>	<i>(1.000.000.000)</i>	-
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	<i>(3.569.125.862)</i>	<i>(3.569.125.862)</i>
<i>Trả cổ tức</i>	-	-	<i>(6.250.000.000)</i>	<i>(6.250.000.000)</i>
<i>Thù lao cho HĐQT, BKS</i>	-	-	<i>(373.248.000)</i>	<i>(373.248.000)</i>
<i>Giảm khác</i>	-	-	<i>(340.737.000)</i>	<i>(340.737.000)</i>
Tại ngày 01/01/2020	250.000.000.000	15.941.718.932	2.831.399.360	268.773.118.292
- Lãi trong năm	-	-	2.697.352.925	2.697.352.925
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.109.373.537)	(2.109.373.537)
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	<i>(1.646.605.178)</i>	<i>(1.646.605.178)</i>
- Điều chỉnh theo kết luận thanh tra thuế	-	-	(62.331.359)	(62.331.359)
- Thù lao	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
- Giảm khác	-	-	(232.437.000)	(232.437.000)
Tại 31/12/2020	250.000.000.000	15.941.718.932	3.419.378.748	269.361.097.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

19. TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG

		31/12/2020	01/01/2020
Hàng hóa nhận giữ hộ			
- Xăng A95	Lít	138.791	6.659
- Dầu DO	Lít	218.739	19.964
- Xăng E5	Lít	351.139	118.351

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu kinh doanh xăng RON95	578.676.592.975	707.527.510.784
Doanh thu kinh doanh xăng E5RON92	517.264.621.360	999.403.159.649
Doanh thu kinh doanh dầu DO	1.729.403.502.341	2.551.812.418.254
Doanh thu kinh doanh hàng hóa khác	3.069.888.727	3.262.334.119
Hoạt động cung cấp dịch vụ	6.903.116.740	7.875.086.769
Cộng	2.835.317.722.143	4.269.880.509.575
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.207.243.612	1.246.541.958
Chiết khấu thương mại	1.207.243.612	1.246.541.958
Cộng	2.834.110.478.531	4.268.633.967.617
Trong đó		
Doanh thu với các bên liên quan (*)	161.181.091.305	214.101.687.249

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 27.

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn kinh doanh xăng RON95	549.802.274.871	681.270.935.111
Giá vốn kinh doanh xăng E5RON92	490.335.663.339	956.075.915.084
Giá vốn kinh doanh dầu DO	1.635.940.378.699	2.479.860.807.282
Giá vốn kinh doanh hàng hóa khác	2.304.556.954	2.867.287.204
Giá vốn cung cấp dịch vụ	142.768.522	15.874.191
Cộng	2.678.525.642.385	4.120.090.818.872

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	33.763.686.399	30.591.815.458
Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	13.389.330.126	13.312.740.319
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.955.735.419	11.724.813.968
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.424.776.801	38.414.526.290
Chi phí bằng tiền khác	18.041.332.217	18.837.910.333
Cộng	122.574.860.962	112.881.806.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	22.702.787.302	21.229.049.358
Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	1.516.569.820	1.522.601.515
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.315.627.174	1.306.631.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.966.832.843	2.454.664.872
Chi phí dự phòng	289.987.739	-
Chi phí bằng tiền khác	9.977.884.107	7.482.493.405
Cộng	40.769.688.985	33.995.440.501

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân công	56.465.473.701	51.820.864.816
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.905.899.946	14.835.341.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.271.362.593	13.031.445.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.391.609.644	40.869.191.162
Chi phí bằng tiền khác	28.019.216.324	26.320.403.738
Chi phí dự phòng	289.987.739	-
Cộng	163.344.549.947	146.877.246.869

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hỗ trợ tạo nguồn (*)	11.627.240.677	-
Bồi thường tổn thất	680.445.033	-
Nhượng bán, thanh lý tài sản	429.623.636	519.090.909
Thu nhập khác	83.278.197	542.804.051
Cộng	12.820.587.543	1.061.894.960

(*) Theo Quyết định số 273/QĐ-DVN ngày 11/06/2020 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc Ban hành chính sách hỗ trợ tạo nguồn cho PVOIL Hà Nội với hỗ trợ 1,58 đồng/lit thực tế/km áp dụng từ 01/05/2020 đối với khối lượng hàng mà PVOIL Hà Nội mua của Tổng Công ty đề:

- Bán cho các khách hàng tại địa điểm kinh doanh được Tổng Công ty phân công và có cửa hàng xăng dầu, địa điểm tiêu thụ mà chênh lệch khoảng cách vận chuyển tính đến kho đầu nguồn gần nhất của Tổng Công ty và tới kho của Petrolimex gần nhất lớn hơn 100km, ngoại trừ địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Riêng đối với khu vực các tỉnh Tây Bắc, việc hỗ trợ chỉ áp dụng đối với những hàng bán cho các Đại lý đã ký hợp đồng lâu năm và có lượng tiêu thụ ổn định.

- Cung cấp cho các cửa hàng xăng dầu trực thuộc đơn vị có khoảng cách lớn hơn 200 km tính từ kho đầu nguồn gần nhất của Tổng Công ty. Hỗ trợ đối với phần cự ly trên 200 km.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận trước thuế	5.667.318.685	5.113.248.138
Các khoản chi phí không được trừ	9.182.510.109	8.338.025.186
- Phân bổ lợi thế vị trí địa lý	6.324.301.236	-
- Phạt thuế	278.052.610	-
- Chi phí khác	2.580.156.263	8.338.025.186
Thu nhập chịu thuế	14.849.828.794	13.451.273.324
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.969.965.760	2.690.254.665

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty	Mối quan hệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Dầu tư	Cùng Công ty mẹ
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị thuộc Tập đoàn
TCT Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Công ty thuộc Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.408.483.560.670	3.876.719.858.626
Tổng công ty Dầu Việt Nam	2.174.808.894.733	3.518.098.785.453
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Mekong	15.656.895.272	1.683.368.092
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	7.180.060.182	23.124.052
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	5.621.150	2.870.664
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	480.114.453	1.031.018.669
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	-	1.509.273.861
Công ty CP Thương mại - Du lịch - Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	11.213.635.000	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	3.471.818.182	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	30.651.043.938	28.457.987.460
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	190.551.309	268.376.600
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	40.280.065.333	59.448.450.305
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	53.800.202.110	88.914.652.900
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	24.220.000.000	79.631.057.391
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	38.938.790.041	58.563.231.453
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	2.982.589.669	6.551.913.599
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	2.083.090.909	-
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	25.185.931	1.750.162
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	2.495.002.458	32.533.997.965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng hóa và dịch vụ	161.181.091.305	214.101.687.249
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	18.656.593.164	97.769.621.944
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	17.915.296.633	34.552.990.099
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	21.180.001	4.163.419.954
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	78.386.626.606	49.561.751.590
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	10.513.855.267	1.122.881.673
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	837.933.665	905.172.556
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (Timexco)	96.981.264	199.915.347
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	136.582.081	137.354.863
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	1.914.435.219	123.750.956
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	28.090.119.952	37.154.589
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	64.607.037	30.393.409
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	129.827.358	33.068.047
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	71.365.359	16.383.816
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	20.258.309	7.621.089
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	3.281.377.634	1.510.658.589
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (Petec)	916.331.406	13.736.726
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí MeKong	65.772.815	3.214.363
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	35.965.902	3.402.957
Công ty CP Thương mại - Du lịch - Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	4.196.725	103.773
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	8.440.089	-
CN Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	-	23.909.090.909
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	12.210.682	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	1.134.137	-

Số dư với bên liên quan

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn	1.602.384.006	9.545.972.661
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và VP Miền Bắc TCT	3.262.878	2.199.357
Viện Dầu khí Việt Nam	-	15.564.470
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	582.899.240	522.431.804
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	14.600.490	-
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	-	78.871.900
CN Công ty Cổ phần Dầu Nhờn PV Oil Miền Bắc	-	51.857.040
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	437.703.530	115.958.160
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	127.407.678	8.076.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền	-	37.885.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	-	645.204.930
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (Timexco)	436.510.190	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	134.458.495.709	226.247.660.900
Tổng công ty Dầu Việt Nam	113.307.671.580	195.219.001.753
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10.888.793	73.248.687
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	4.179.342.428	7.321.618.184
Công ty Cổ phần Dầu Nhôm PVOIL	4.292.432.392	7.333.763.239
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	5.722.407.167	9.872.527.341
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	6.340.104.908	5.578.474.075
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	474.582.118	742.527.559
Tổng Công ty Thương Mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (Petec)	131.066.323	106.500.062

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và các khoản nợ phải trả. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, các khoản nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.393.513.876	53.998.929.105
Các khoản phải thu	166.088.513.894	183.536.087.854
Cộng tài sản tài chính	217.482.027.770	237.535.016.959
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản nợ tài chính		
Phải trả người bán ngắn hạn	140.440.183.299	230.661.845.316
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.817.439.477	248.629.636
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.858.718.379	11.372.398.028
Doanh thu chưa thực hiện	473.440.000	266.436.223
Cộng các khoản nợ tài chính	162.589.781.155	242.549.309.203

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có rủi ro tỷ giá do không có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty kinh doanh các mặt hàng xăng, dầu phụ thuộc nhiều vào biến động giá cả thế giới và được mua từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP nên Công ty có thể chịu nhiều rủi ro về biến động giá đầu vào. Công ty chưa thể áp dụng các công cụ cần thiết để giảm thiểu các rủi ro này do Việt Nam chưa có thị trường ngoài việc trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có phải chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa các khoản nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của các khoản nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tại 01/01/2020			
Phải trả người bán ngắn hạn	230.661.845.316	-	230.661.845.316
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	266.436.223	-	266.436.223
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.372.398.028	-	11.372.398.028
Cộng	242.549.309.203	-	242.549.309.203
Tại 31/12/2020			
Phải trả người bán ngắn hạn	140.440.183.299	-	140.440.183.299
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.817.439.477	-	1.817.439.477
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.858.718.379	-	19.858.718.379
Cộng	162.589.781.155	-	162.589.781.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức độ đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết thể hiện được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.998.929.105	-	53.998.929.105
Các khoản phải thu	183.536.087.854	-	183.536.087.854
Cộng	237.535.016.959	-	237.535.016.959
Tại 31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.393.513.876	-	51.393.513.876
Các khoản phải thu	166.088.513.894	-	166.088.513.894
Cộng	217.482.027.770	-	217.482.027.770

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐẠI LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu các loại. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21 Phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

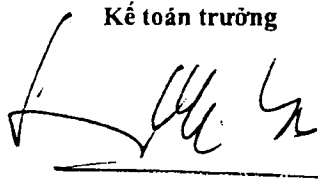
Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

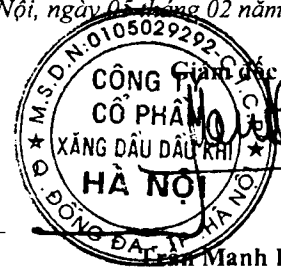
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Trang



Lê Đức Dân



Số: 521/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021; thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khoá XI thông qua ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân chia lợi nhuận năm 2020, kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021; thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021 như sau:

A. Tình hình thực hiện kế hoạch 2020:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020
I	Tổng tài sản	535.555.153.020
a	Tài sản ngắn hạn	310.703.179.573
b	Tài sản dài hạn	224.851.973.447
II	Tổng nguồn vốn	535.555.153.020
a	Nợ phải trả	266.194.055.340
b	Vốn chủ sở hữu	269.361.097.680
III	Kết quả kinh doanh	
1	Doanh thu thuần	2.834.110.478.531
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2020	5.667.318.685
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	2.697.352.925
4	Lợi nhuận còn lại năm 2019 chuyển sang	1.184.794.182

5	Thanh toán tiền lợi nhuận cố định năm 2020 của hợp đồng liên danh của CHXD Nam Khê và CHXD Diễn Châu năm 2019 và tiền thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2019	400.437.000
6	Điều chỉnh giảm theo biên bản kiểm toán Nhà nước	62.331.359
7	Tổng lợi nhuận còn lại năm 2020 và 2019 (7=3+4-5-6)	3.419.378.748

B. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020:

Căn cứ các nội dung về kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2020 tại Nghị quyết số 1129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2020 và kết quả hoạt động SXKD năm 2020 như trên, Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua xem xét phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021; thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021 như sau:

I. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020, kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021

1. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020.

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Giá trị
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN		2.697.352.925
2	Các khoản chi sau thuế:		400.437.000
-	Thù lao kiêm nhiệm HĐQT, BKS năm 2020		168.000.000
-	Chi trả khoản hợp tác đầu tư tại CHXD Nam Khê, CHXD Diễn Châu năm 2020		232.437.000
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 trước khi trích lập các quỹ (3=1-2)		2.296.915.925
4	Trích lập quỹ	80,0%	1.837.532.740
-	Quỹ khen thưởng		
-	Quỹ thưởng cán bộ quản lý		
-	Quỹ phúc lợi	80,0%	1.837.532.740
-	Quỹ đầu tư phát triển		
5	Chi cổ tức	Không chia	
6	Lợi nhuận năm 2020 còn lại sau khi chia cổ tức (6=3-4-5)		459.383.185
7	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 chuyển sang sau khi điều chỉnh giảm theo Biên bản KTNN và thực hiện chi trả Thù lao KCT năm 2019, khoản hợp tác đầu tư CHXD Diễn Châu năm 2019.		930.462.823
8	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập và chia cổ tức (8=6+7)		1.389.846.008
9	Trích bổ sung Quỹ đầu tư phát triển từ LN sau chia cổ tức)		1.000.000.000
10	Lợi nhuận giữ lại chuyển năm sau (10=8-9)		389.846.008

Ghi chú:

Đơn vị đề xuất mức trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi ở mức 80% LNST (bằng mức trích năm 2019) còn lại chưa phân phối năm 2020 là 1.837.532.740 đồng với lý do:

- Tổng mức chi KTPL theo Thỏa ước LĐTT của đơn vị năm 2020 cho các khoản chi như: sinh nhật CBNV, trợ cấp nhân các dịp Lễ trong năm, chi hiếu, hi... là 3,78 tỷ đồng. Trong đó: Trực tiếp qua Quỹ KTPL: 2,38 tỷ đồng, Chi qua chi phí HĐSXKD: 1,4 tỷ đồng. Mức trích 1,838 tỷ đồng theo đề xuất trích bằng 46% so 1 tháng lương thực hiện theo kế hoạch 2021 (1,838/4 tỷ đồng) và chỉ đảm bảo 48,6% mức chi tối thiểu trên.

- Bên cạnh, ngoài việc đảm bảo nguồn chi theo thỏa ước LĐTT, Công ty còn phải chi trả một số khoản chi có tính chất phúc lợi khác từ quỹ KTPL như: trợ cấp tai nạn lao động, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thâm niên ngành, trợ cấp tử tuất..., ước chi các khoản trên cho năm 2021 khoảng 200 triệu đồng;

- Mức trích trên của đơn vị thấp hơn theo quy định mức tỷ lệ hoàn thành kế hoạch Lợi nhuận * 03 tháng lương thực hiện (<3,6 tỷ).

2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021

STT	Nội dung	Diễn giải
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	LNST
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 trước khi trích lập các quỹ ¹	
3	Trích lập các quỹ. Dự kiến ² : - Quỹ Khen thưởng - Quỹ Phúc lợi - Quỹ Đầu tư Phát triển - Quỹ thưởng Người quản lý	40% Lợi nhuận trước khi trích lập các quỹ
4	Lợi nhuận còn lại năm 2021 sau khi trích lập các quỹ	$4 = 2 - 3$
5	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	
6	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức năm 2021	$6 = 4 + 5$
7	Chia cổ tức năm 2021	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

II. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2020 và đề nghị thù lao kế hoạch năm 2021 như sau:

¹ LNST trước khi trích quỹ được xác định bằng LNST trừ đi các khoản gồm: Lợi nhuận chia cho các bên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có); Lỗ lũy kế năm trước chuyển sang (nếu có); Truy thu thuế (nếu có) và các khoản khác được trích vào LNST theo quy định;

² Tỷ lệ trích cụ thể sẽ thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH và các quy định hiện hành của Nhà nước;

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2020.

TT	Đối tượng	Đơn vị	Số thành viên	Mức thù lao	Năm 2019
1	Chủ tịch HĐQT	đ/ng/tháng	01	6.500.000	78.000.000
2	Thành viên HĐQT	đ/ng/tháng	01	3.500.000	42.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát	đ/ng/tháng	02	2.000.000	48.000.000
Tổng cộng					168.000.000

2. Dự kiến mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2021

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao kế hoạch năm 2021 dự kiến chi trả cho Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách như sau:

TT	Đối tượng	Đơn vị	Số thành viên	Mức thù lao
1	Chủ tịch HĐQT	đ/ng/tháng	01	6.500.000
2	Thành viên HĐQT	đ/ng/tháng	01	3.500.000
3	Thành viên Ban kiểm soát	đ/ng/tháng	02	2.000.000
Tổng cộng				Chi theo thực tế

Ghi chú: Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc đơn vị, Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách và CBCNV kiêm Thành viên Ban Kiểm soát hưởng lương và phụ cấp kiêm nhiệm theo Quy chế trả lương, trả thưởng của đơn vị. Quỹ thù lao được ghi nhận vào chi phí khác trong năm và được loại trừ khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

Kính trình !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC, LTH. 01b.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Hoài Lam



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

7. TỜ TRÌNH
VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN CHIA LỢI NHUẬN NĂM 2020 VÀ
KẾ HOẠCH PHÂN CHIA LỢI NHUẬN NĂM 2021

Hà Nội, tháng 4/2021

Số: 521/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/01/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân chia lợi nhuận năm 2020, kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021, như sau:

I. Tình hình thực hiện kế hoạch 2020

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020
I	Tổng tài sản	535.555.153.020
a	Tài sản ngắn hạn	310.703.179.573
b	Tài sản dài hạn	224.851.973.447
II	Tổng nguồn vốn	535.555.153.020
a	Nợ phải trả	266.194.055.340
b	Vốn chủ sở hữu	269.361.097.680
III	Kết quả kinh doanh	
1	Doanh thu thuần	2.834.110.478.531
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2020	5.667.318.685
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	2.697.352.925
4	Lợi nhuận còn lại năm 2019 chuyển sang	1.184.794.182
5	Thanh toán tiền lợi nhuận cố định của hợp đồng liên danh CHXD Diễn Châu năm 2019 và tiền thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2019	254.331.359



-	Thanh toán tiền lợi nhuận cố định năm 2019 của hợp đồng liên danh của CHXD Diễn Châu	24.000.000
-	Thanh toán tiền thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2019	168.000.000
6	Điều chỉnh giảm theo biên bản kiểm toán Nhà nước	62.331.359
7	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 chuyển sang sau khi điều chỉnh giảm theo Biên bản KTNN và thực hiện chi trả Thù lao KCT năm 2019, khoản hợp tác đầu tư CHXD Diễn Châu năm 2019 (7=4-5-6)	930.462.823
8	Thanh toán tiền lợi nhuận cố định năm 2020 của hợp đồng liên danh của CHXD Nam Khê	208.437.000
9	Tổng lợi nhuận còn lại năm 2020 và 2019 (9=3+7-8)	3.419.378.748

II. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020

Căn cứ các nội dung về kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2020 tại Nghị quyết số 1129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2020 và kết quả hoạt động SXKD năm 2020 như trên, Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua xem xét phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2020, kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021, như sau:

1. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Giá trị
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN		2.697.352.925
2	Các khoản chi sau thuế:		400.437.000
-	Thù lao kiêm nhiệm HĐQT, BKS năm 2020		168.000.000
-	Chi trả khoản hợp tác đầu tư tại CHXD Nam Khê, CHXD Diễn Châu năm 2020		232.437.000
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 trước khi trích lập các quỹ (3=1-2)		2.296.915.925
4	Trích lập quỹ	80,0%	1.837.532.740
-	Quỹ khen thưởng		
-	Quỹ thưởng cán bộ quản lý		
-	Quỹ phúc lợi	80,0%	1.837.532.740
-	Quỹ đầu tư phát triển		
5	Chi cổ tức	Không chia	
6	Lợi nhuận năm 2020 còn lại sau khi chia cổ tức (6=3-4-5)		459.383.185
7	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 chuyển sang sau khi điều chỉnh giảm theo Biên bản KTNN và thực hiện chi trả Thù lao KCT năm 2019, khoản hợp tác đầu tư CHXD Diễn Châu năm 2019.		930.462.823
8	Lợi nhuận chuyển năm sau (8=6+7)		1.389.846.008

30350
CÔNG
CỔ P
C DẦU
HÀ
S 9A

Ghi chú:

Đơn vị đề xuất mức trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi ở mức 80% LNST (bằng mức trích năm 2019) còn lại chưa phân phối năm 2020 là 1.837.532.740 đồng với lý do:

- Tổng mức chi KTPL theo Thỏa ước LĐTT của đơn vị năm 2020 cho các khoản chi như; sinh nhật CBNV, trợ cấp nhân các dịp Lễ trong năm, chi hiếu, hỉ... là 3,78 tỷ đồng. Trong đó: Trực tiếp qua Quỹ KTPL: 2,38 tỷ đồng, Chi qua chi phí HĐSXKD: 1,4 tỷ đồng. Mức trích 1,838 tỷ đồng theo đề xuất trích bằng 46% so 1 tháng lương thực hiện theo kế hoạch 2021 (1,838/4 tỷ đồng) và chỉ đảm bảo 48,6% mức chi tối thiểu trên.

- Bên cạnh, ngoài việc đảm bảo nguồn chi theo thỏa ước LĐTT, Công ty còn phải chi trả một số khoản chi có tính chất phúc lợi khác từ quỹ KTPL như; trợ cấp tai nạn lao động, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thâm niên ngành, trợ cấp tử tuất..., ước chi các khoản trên cho năm 2021 khoảng 200 triệu đồng;

- Mức trích trên của đơn vị thấp hơn theo quy định mức tỷ lệ hoàn thành kế hoạch Lợi nhuận * 03 tháng lương thực hiện (<3,6 tỷ).

2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021

STT	Nội dung	Diễn giải
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	LNST
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 trước khi trích lập các quỹ ¹	
3	Trích lập các quỹ. Dự kiến ² : - Quỹ Khen thưởng - Quỹ Phúc lợi - Quỹ Đầu tư Phát triển - Quỹ thưởng Người quản lý	40% Lợi nhuận trước khi trích lập các quỹ
4	Lợi nhuận còn lại năm 2021 sau khi trích lập các quỹ	$4 = 2 - 3$
5	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	
6	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức năm 2021	$6 = 4 + 5$
7	Chia cổ tức năm 2021	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

¹ LNST trước khi trích quỹ được xác định bằng LNST trừ đi các khoản gồm: Lợi nhuận chia cho các bên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có); Lỗ lũy kế năm trước chuyển sang (nếu có); Truy thu thuế (nếu có) và các khoản khác được trích vào LNST theo quy định;

² Tỷ lệ trích cụ thể sẽ thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH và các quy định hiện hành của Nhà nước;

Trên đây là tờ trình phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như trên: 
- Lưu: VT, TCHC, LTH. 01b.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 



Và Hoài Lam





CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

8. TỜ TRÌNH
VỀ THÙ LAO – THƯỞNG CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Hà Nội, tháng 4/2021

Số: 540/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về thù lao - thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành
của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 1129/NQ-XDHN ngày 19/05/2020;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông về tiền thù lao - thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty năm 2020; kế hoạch năm 2021; Báo cáo tiền lương năm 2020 của Giám đốc Công ty và người quản lý khác như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách

TT	Đối tượng	Số người	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2021
1	Chủ tịch HĐQT	01	6.500.000 đ/người/tháng	6.500.000 đ/người/tháng
2	Thành viên HĐQT	01	3.500.000 đ/người/tháng	3.500.000 đ/người/tháng
3	Thành viên Ban kiểm soát	02	2.000.000 đ/người/tháng	2.000.000 đ/người/tháng
	Tổng cộng		168.000.000 đồng	168.000.000 đồng

Ghi chú: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty hoặc Phó Giám đốc Công ty, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương và phụ cấp kiêm nhiệm theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

2. Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện năm 2020
1	Ông Trần Mạnh Hà	Thành viên HĐQT, Giám đốc	541.985.966 đồng
2	Ông Lưu Chí Nguyễn	Thành viên HĐQT chuyên trách	175.931.543 đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện năm 2020
3	Bà Trần Thị Thu Phong	Thành viên HĐQT chuyên trách	263.145.007 đồng
4	Ông Trần Việt Hùng	Phó Giám đốc	443.766.347 đồng
5	Ông Đào Đại Thắng	Phó Giám đốc	454.820.809 đồng
6	Ông Đào Xuân Hữu	Phó Giám đốc	426.406.968 đồng
7	Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Giám đốc	389.399.836 đồng
8	Ông Vũ Văn Nghị	Trưởng ban kiểm soát	366.157.576 đồng
9	Ông Lê Đức Dân	Kế toán trưởng	359.825.948 đồng
	Tổng cộng		3.421.440.000 đồng

Ghi chú: Ngày 01/8/2020, Bà Trần Thị Thu Phong - Thành viên HĐQT chuyên trách Công ty nghỉ chế độ hưu trí. Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thực hiện các thủ tục miễn nhiệm với Bà Trần Thị Thu Phong và bầu bổ sung Ông Lưu Chí Nguyễn thay thế Bà Trần Thị Thu Phong kể từ ngày 01/9/2020.

3. Quỹ thưởng Người quản lý (HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành)

- Thực hiện năm 2020: Công ty không trích Quỹ thưởng Người quản lý.

- Kế hoạch năm 2021:

+ Lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch: trích tối đa 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách.

+ Lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch: trích tối đa không quá 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách.

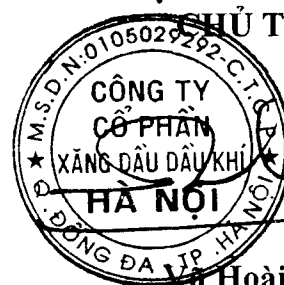
Trên đây là tờ trình tiền thù lao - thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC, LTH. 01b.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Và Hoài Lam





CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐÀO KHÍ HÀ NỘI
Số 194 Thái Thịnh - P.Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 024.38563321 Fax: 024.38563319

9. TỜ TRÌNH

**VỀ VIỆC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA PVOIL HÀ NỘI THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020**

Hà Nội, tháng 4/2021

Số: 525/TTTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động
của PVOIL Hà Nội theo Luật doanh nghiệp 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ yêu cầu quản lý của PVOIL Hà Nội, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVOIL Hà Nội theo Luật doanh nghiệp 2020 (Đính kèm)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV.HĐQT, Ban Kiểm soát (để biết);
- Lưu VT, TCHC, LTH.01b.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Vũ Hoài Lam

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI**

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU
DẦU KHÍ HÀ NỘI
(PV OIL HÀ NỘI)**

Hà Nội – Tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG I- ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1: Giải thích thuật ngữ	3
CHƯƠNG II- TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của công ty	4
CHƯƠNG III- MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4: Mục tiêu của Công ty	5
Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
CHƯƠNG IV- VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6: Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 7: Cổ phiếu, Chứng nhận cổ phiếu. Sổ đăng ký cổ đông	9
Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10: Thu hồi cổ phần	10
CHƯƠNG V- CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11: Cơ cấu tổ chức quản lý	11
CHƯƠNG VI- CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12: Quyền của Cổ đông Công ty	11
Điều 13: Nghĩa vụ của Cổ đông	12
Điều 14: Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16: Ủy quyền tham dự đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17: Thay đổi các quyền	16
Điều 18: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20: Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21: Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	20
Điều 22: Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
CHƯƠNG VII- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 25: Ứng cử, đề cử: Thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 28: Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 29: Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 30: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31: Biên bản họp Hội đồng quản trị	31
Điều 32: Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	31
Điều 33: Người phụ trách quản trị công ty	32
CHƯƠNG VIII- GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
Điều 34: Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 35: Người điều hành công ty	33

Điều 36: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	33
Điều 37: Thư ký Công ty	34
CHƯƠNG IX- BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 38: Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát.....	34
Điều 39: Thành phần Ban Kiểm soát	34
Điều 40: Trưởng Ban kiểm soát	35
Điều 41: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	35
Điều 42: Cuộc họp của Ban kiểm soát	36
Điều 43: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	36
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 44: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	36
Điều 45: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	37
CHƯƠNG XI- QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 46: Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	38
CHƯƠNG XII- CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	38
Điều 47: Công nhân viên và công đoàn.....	39
Điều 48: Phân phối lợi nhuận.....	39
Điều 49: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	40
CHƯƠNG XIV- TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	40
Điều 50: Tài khoản ngân hàng.....	40
Điều 51: Trích lập Quỹ.....	40
Điều 52: Năm tài chính.....	40
Điều 53: Chế độ kế toán	40
CHƯƠNG XV- BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	41
Điều 54: Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	41
CHƯƠNG XVI- KIỂM TOÁN CÔNG TY	41
Điều 55: Kiểm toán	41
CHƯƠNG XVII- CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	41
Điều 56: Con dấu.....	41
CHƯƠNG XVIII- GIẢI THỂ CÔNG TY	42
Điều 57: Giải thể Công ty.....	42
Điều 58: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông.....	42
Điều 59: Thanh lý.....	42
CHƯƠNG XIX- GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	43
Điều 60: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	43
CHƯƠNG XX- BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	43
Điều 61: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	43
CHƯƠNG XXI- NGÀY HIỆU LỰC	43
Điều 62: Ngày hiệu lực.....	43

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PV OIL Hà Nội) (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với Luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi các Cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 16 tháng 11 năm 2010 và được sửa đổi lần thứ 4 vào ngày tháng năm 2021 cho phù hợp với Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14; gồm XXI chương, 62 điều như sau:

CHƯƠNG I- ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Giải thích thuật ngữ

1- Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- a) "**Vốn Điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán của Công ty quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;
- b) "**Vốn có quyền biểu quyết**" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- d) "**Luật Chứng khoán**" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) "**Việt Nam**" có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- f) "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) "**Người điều hành công ty**" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- h) "**Người quản lý doanh nghiệp**" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- i) "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- j) "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) "**Cổ đông sáng lập**" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- l) "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

2- Trong Điều lệ này khi nói đến một điều khoản hay một văn bản nào đó thì chúng sẽ bao gồm cả những điều khoản sửa đổi hay văn bản thay thế.

3- Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4- Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II- TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1- Tên Công ty:

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI**

Tên tiếng Anh: **PETROVIETNAM OIL HA NOI JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch: **PV OIL HÀ NỘI**

Tên viết tắt: **PV OIL HA NOI., JSC**

2- Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

3- Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: số 194 Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 385603321

Fax: 024 3856 3319

4- Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

5- Trừ khi chấm dứt hoạt động hoặc giải thể theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của công ty

Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan và các quy định của Điều lệ này.

CHƯƠNG III- MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4: Mục tiêu của Công ty

1- Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Khai thác dầu thô	0610
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
3	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
4	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị	3320
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: các nhà máy lọc dầu, các xưởng hoá chất, đường thủy, bến cảng, các hệ thống bồn chứa xăng dầu và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; - Đập và đê; - Đường hầm, công trình thể thao ngoài trời.	4299
6	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn xe bồn	4511
7	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;	4520
8	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;	4530
9	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa (không hoạt động đấu giá)	4610
10	Bán buôn đồ uống - Chi tiết: Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác	4633
11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây	4659

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
	dựng - Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp - Kinh doanh thiết bị, vật tư ngành dầu khí	
12	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn xăng dầu; Kinh doanh xăng dầu: - Sản xuất, pha chế xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; - Sản phẩm cho ngành hoá dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường, cồn trắng, varolin, sáp paraffin, nhớt; bánh dầu, sản phẩm dầu mỏ tinh chế;	4661 (Chính)
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động - Mua bán phân bón - Mua bán hoá chất (trừ hoá chất sử dụng trong nông nghiệp và hoá chất cấm)	4669
14	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu	4730
15	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán mũ bảo hiểm ô tô, xe máy	4759
16	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Nước rửa kính ô tô, dung dịch đánh bóng bề mặt sơn, dung dịch bóng nội thất, dung dịch dưỡng và bóng lớp cao cấp, dung dịch vệ sinh kính	4773
17	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;	4799
18	Vận tải hành khách đường sắt	4911
19	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
20	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
21	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
22	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
23	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
24	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải.	5229
26	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	6622
27	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; - Đầu tư các công trình hạ tầng trên đất để cho thuê; cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng cho thuê lại; - Dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu;	6810
28	Quảng cáo	7310
29	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Môi giới và xúc tiến thương mại;	8230
30	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu (xăng dầu, nguyên liệu sản xuất trong nước và xăng dầu, nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu), - Nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, - Chuyển khẩu xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; - Sản phẩm cho ngành hoá dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường, cồn trắng, varolin, sáp paraffin, nhớt; - Bánh dầu, sản phẩm dầu mỏ tinh chế;	8299

2- Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đăng ký trên Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2- Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV- VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6: Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1- Vốn Điều lệ của Công ty là 250.000.000.000 đồng (hai trăm năm mươi tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng/cổ phần).

2- Công ty có thể thay đổi vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

3- Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ bao gồm toàn bộ là Cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này.

4- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

5- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông hiện hữu theo phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần để các cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần các cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

6- Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này, đảm bảo tuân thủ Luật Doanh nghiệp, phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại theo Điều 132, Điều 133 Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa được bán. Công ty sau khi mua lại cổ phần phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại. Thời gian để thực hiện đăng ký giảm vốn điều lệ là trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 2 Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

7- Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; và quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan

8- Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Điều 7: Cổ phiếu, Chứng nhận cổ phiếu, Sổ đăng ký cổ đông

1- Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2- Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;
- f) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- g) Nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật này đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

3- Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

4- Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5- Sổ đăng ký cổ đông của công ty quy định theo Điều 122 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần

1- Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp hoặc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có liên quan (trong trường hợp công ty là công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán).

2- Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3- Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được

bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4- Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.

5- Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6- Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

7- Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

8- Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 10: Thu hồi cổ phần

1- Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

2- Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.

3- Nếu các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi số cổ phần đã nêu trong thông báo ấy vào bất cứ lúc nào trước khi Cổ đông liên quan thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, tiền lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị sẽ chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo các quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4- Cổ phần bị Công ty thu hồi hoặc do người sở hữu nộp lại sẽ trở thành tài sản của Công ty và Công ty có thể bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách nào đó cho người đã từng nắm giữ số cổ phần đó trước khi bị thu hồi hay nộp lại, hoặc cho một người khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.

5- Cổ đông nào có cổ phần bị thu hồi hay đã nộp lại sẽ mất tư cách là Cổ đông đối với số cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới số cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc khi nộp lại phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ và không quá 12 (mười hai) %/năm theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày bị thu hồi hoặc nộp lại cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định cưỡng chế buộc thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hay nộp lại hoặc miễn giảm việc ấy trong những mức độ nào đó.

6- Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V- CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Giám đốc.

CHƯƠNG VI- CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12: Quyền của Cổ đông Công ty

1- Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Điều lệ này và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05 (năm) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên, có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng,

giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

3- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10 (mười) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01 (một) % số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc theo quy định của Luật doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 13: Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông của Công ty có các nghĩa vụ sau:

- 1- Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;
- 2- Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- 3- Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- 4- Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 5- Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

6- Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7- Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8- Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 14: Đại hội đồng cổ đông

1- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2- Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

3- Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty;

- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quy định của Điều lệ công ty và của pháp luật.

4- Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này.
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5- Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 4 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát và các thành viên ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1- Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

- g) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (trong trường hợp công ty là công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán);
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3- Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16: Ủy quyền tham dự đại hội đồng cổ đông

1- Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự thông qua các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền; số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung ủy quyền; phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền; chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4- Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền đã:

- a) Chết, hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17: Thay đổi các quyền

1- Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2- Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong

thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3- Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4- Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1- Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Điểm b, c Khoản 5 Điều 14.

2- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

3- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp Công ty xét thấy cần thiết thì có thể đăng báo ngày của trung ương hoặc địa phương. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi Thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc Đại hội. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp trên trang thông tin điện tử của Công ty để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần người đó nắm giữ, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5- Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Kiến nghị không chứa đựng những thông tin cần thiết;
- d) Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm đủ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.

6- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7- Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

Điều 19: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

2- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên.

3- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thế thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1- Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2- Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3- Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

6- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7- Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

9- Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 21: Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 5 của Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2- Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1, 3, 4, 5 Điều này.

3- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc

một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4- Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần ưu đãi loại đó tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần ưu đãi loại đó tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6- Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1- Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2- Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông;

3- Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4- Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5- Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6- Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8- Các quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3- Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

5- Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 21 Điều lệ này;

2- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25: Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị

1- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm

thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).
- j) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2- Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) số phiếu có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) số phiếu có quyền biểu quyết được đề cử 02 (hai) thành viên và nếu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) số phiếu có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị có từ 03 (ba) đến 05 (năm) người.

2- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4- Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c) Thành viên đó không đủ sức khỏe, tinh thần để đảm nhận chức vụ và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;
- d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5- Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật.

6- Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;

- i) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
 - j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý doanh nghiệp đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
 - m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tái cơ cấu lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp.
- 3- Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b) Thành lập các Công ty con của Công ty;
 - c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua và liên doanh);
 - d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty;
 - e) Việc vay nợ và việc thực hiện thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty;
 - f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;
 - g) Mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h) Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

- i) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) cổ phần theo từng loại đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng;
- j) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- k) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

4- Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng đối với Giám đốc và những Người quản lý doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.

5- Quyền được cung cấp thông tin của Hội đồng quản trị:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và các đơn vị trong công ty.
- b) Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

6- Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các Người quản lý doanh nghiệp đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.

Điều 28: Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3- Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức Giám đốc của Công ty.

3- Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

4- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1- Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2- Hội đồng quản trị phải họp định kỳ mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3- Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý doanh nghiệp khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4- Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) trở lên tổng số thành viên hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10- Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11- Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12- Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại Điểm c Khoản 12 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 11 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;
- b) Theo quy định tại Điểm d Khoản 12 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- c) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 7 Điều 44 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13- Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó thì phải có trách nhiệm công khai bản chất và nội dung của lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

15- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16- Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều 31 Điều lệ này.

17- Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác cùng một lúc.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các Nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

18- Những người được mời họp dự thính: Giám đốc, những Người quản lý doanh nghiệp khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

19- Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc do bất kỳ người nào có tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

Điều 31: Biên bản họp Hội đồng quản trị

1- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3- Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5- Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 32: Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1- Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban

do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 33: Người phụ trách quản trị công ty

1- Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 (năm) năm.

2- Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3- Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4- Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII- GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34: Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể đồng thời cũng là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 35: Người điều hành công ty

1- Người điều hành công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2- Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3- Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; Hợp đồng của những người điều hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

4- Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1- Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2- Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3- Quyền hạn và nhiệm vụ: Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả Người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4- Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông: Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nghiệp vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5- Miễn nhiệm: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành; và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 37: Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX- BAN KIỂM SOÁT

Điều 38: Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát

1- Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 25 Điều lệ này.

2- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 39: Thành phần Ban Kiểm soát

1- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2- Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3- Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
- 4- Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40: Trưởng Ban kiểm soát

1- Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2- Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành công ty.

4- Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành công ty thì Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

8- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý doanh nghiệp, người điều hành công ty và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý doanh nghiệp, người điều hành công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 42: Cuộc họp của Ban kiểm soát

1- Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2- Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 43: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 44: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ với chính họ hoặc với những người có liên quan của họ theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các

ng nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin (trong trường hợp công ty là công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán).

4- Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty và những người có liên quan của các thành viên này hoặc cho bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5- Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7- Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trở xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã có phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
- b) Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính số gần nhất của Công ty hoặc Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người có liên quan của cổ đông đó, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng hay các Cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

8- Không một thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 45: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1- Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không

hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2- Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong một vụ khiếu nại, khởi kiện đã, đang hoặc có thể sẽ diễn ra; dù là một vụ dân sự hay hành chính (mà không phải là sự kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty); nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty, Nhân viên hoặc người được uỷ quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty, Nhân viên hoặc người được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tin thác hoặc pháp nhân khác theo sự yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty). Chi phí được bồi thường bao gồm: các khoản chi tiêu phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), án phí, các khoản phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc trên trong khuôn khổ luật pháp; với điều kiện là đương sự đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn đúng cách và người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không ngược lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát giác hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm vào trách nhiệm của mình. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những sự bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI- QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46: Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

- 1- Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
- 2- Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
- 3- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 4- Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- 5- Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII- CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47: Công nhân viên và công đoàn

1- Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành công ty.

2- Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48: Phân phối lợi nhuận

1- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3- Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

4- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5- Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
- c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

- d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

6- Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

7- Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 49: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV- TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 50: Tài khoản ngân hàng

1- Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2- Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3- Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 51: Trích lập Quỹ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo qui định của Pháp luật và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Hằng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau:

1- Quỹ đầu tư phát triển: Trích theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên và được sử dụng cho các mục đích quy định trong Quy chế tài chính của Công ty.

2- Quỹ khen thưởng và phúc lợi: Do Đại hội đồng cổ đông hàng năm quyết định.

3- Các quỹ khác nếu có do Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị và được Đại Hội đồng cổ đông Công ty phê chuẩn hàng năm.

Điều 52: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đó.

Điều 53: Chế độ kế toán

1- Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc một hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2- Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3- Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV- BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 54: Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1- Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2- Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một Công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.

3- Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (trong trường hợp công ty là công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán)

4- Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5- Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

CHƯƠNG XVI- KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 55: Kiểm toán

1- Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2- Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3- Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII- CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 56: Con dấu

1- Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2- Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện.

3- Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty hoặc quy chế do doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của doanh nghiệp có dấu ban hành. Doanh nghiệp sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVIII- GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 57: Giải thể Công ty

1- Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Toà án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2- Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể hoặc chấm dứt hoạt động theo Khoản 1 Điều này phải được gửi đến cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục này là bắt buộc.

Điều 58: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các Cổ đông nắm giữ 50% (năm mươi phần trăm) số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1- Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2- Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3- Có sự bất đồng nội bộ và có 02 (hai) hoặc nhiều nhóm Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể Công ty sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 59: Thanh lý

1- Tối thiểu sáu tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty hoặc chấm dứt hoạt động, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3- Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty (nếu có);
- f) Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX- GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1- Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a) Một Cổ đông hoặc nhiều Cổ đông với Công ty; hoặc
- b) Một Cổ đông hoặc nhiều Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành công ty

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2- Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền.

3- Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa pháp quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX- BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1- Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2- Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI- NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62: Ngày hiệu lực

1- Bản Điều lệ này gồm XXI chương 62 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội nhất trí thông qua ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2- Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

2.1- 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương

2.2- 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2.3- 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Trần Mạnh Hà

PHỤ LỤC 01
VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

I. Vốn điều lệ Công ty

1. Vốn điều lệ Công ty: 250.000.000.000 đồng (hai trăm năm mươi tỷ đồng)
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
3. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

II. Danh sách cổ đông sáng lập của PV OIL Hà Nội:

TT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tổng trị giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL)	Tầng 14 – 17 toàn nhà PetroVietnam, số 1 – 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	17.836.600	178.366.000.000	71,35%
2	Ngân hàng Thương Mại TNHH MTV Đại Dương (OCEAN BANK)	Số 199 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Thanh Bình, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	2.750.000	27.500.000.000	11%
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (SEA BANK)	Số 25 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	750.000	7.500.000.000	3%